

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG SỬA ĐỔI**

NỘI DUNG **LỊCH SỬ**

(CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG)

NĂM 2025

MỤC LỤC

Phần I	
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI	6
I. Căn cứ chỉnh sửa	6
II. Những nội dung sửa đổi, bổ sung Chương trình	8
1. Cấp Tiểu học	8
2. Cấp Trung học cơ sở	12
3. Cấp Trung học phổ thông	27
Phần II	32
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI	32
I. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học	32
1. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài học, tổ chức dạy học môn Lịch sử	32
2. Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Lịch sử (giáo án)	44
II. Hướng dẫn tổ chức dạy học đối với các nội dung sửa đổi	51
1. Nội dung, yêu cầu cần đạt gắn với các ngữ liệu của SGK liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính của các nội dung, sự kiện, nhân vật lịch sử	51
2. Các lược đồ, bản đồ lịch sử liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính của các nội dung, sự kiện, nhân vật lịch sử	53
3. Các câu hỏi thể hiện nội dung yêu cầu cần đạt của chương trình liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính cụ thể trong SGK	54
4. Các mức độ (các động từ) cần đạt của chương trình không đúng với quá trình nhận thức của học sinh	56
III. Hướng dẫn kiểm tra đánh giá Chương trình sửa đổi, bổ sung	61
1. Hướng dẫn chung	61
2. Những nội dung điều chỉnh trong KT, ĐG lịch sử	62
3. Một số dạng câu hỏi có thể xây dựng trong kiểm tra, đánh giá	64
4. Bài kiểm tra/đề kiểm tra/đề thi	70

Số: 6199 /BGDDĐT-GDPT
V/v thực hiện Chương trình giáo
dục phổ thông sửa đổi theo Thông
tư số 17/2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

Ngày 12/9/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 (Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT) của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông sửa đổi, Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông sửa đổi theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

- Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá các môn học Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân (Giáo dục kinh tế và pháp luật) theo nội dung sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT.

- Thống nhất cách thức cập nhật, điều chỉnh, bổ sung ngữ liệu dạy học trong các môn học có nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với đối tượng học sinh.

- Chủ động điều chỉnh nội dung, ngữ liệu dạy học phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông sửa đổi tại Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT và tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Nguyên tắc

- Bảo đảm việc dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông và Chương trình giáo dục phổ thông sửa đổi ban hành kèm theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT.

- Bảo đảm các nội dung, ngữ liệu dạy học được cập nhật chính xác, khoa học, chính thức, phù hợp với thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính tỉnh, xã và thực hiện chính quyền 02 cấp.

3. Nội dung thực hiện

a) Đối với môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học, Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở, môn Địa lí

- Cập nhật địa danh các tỉnh, thành phố theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Cập nhật nội dung dạy học theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Cập nhật địa danh các xã, phường, đặc khu theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố; Cập nhật số liệu thống kê và dữ liệu dạy học phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp.

- Bổ sung các nội dung dạy học theo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

b) Đối với môn Lịch sử

- Thực hiện có hiệu quả nội dung sửa đổi, bổ sung phần Lịch sử theo Chương trình giáo dục phổ thông sửa đổi theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

- Cập nhật địa danh gắn với nội dung, sự kiện, di tích, di sản, nhân vật lịch sử và thông tin trên lược đồ, bản đồ lịch sử liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh bảo đảm nguyên tắc tôn trọng tính lịch sử của các địa danh.

c) Đối với môn Giáo dục công dân (Giáo dục kinh tế và pháp luật)

- Rà soát, cập nhật các nội dung, ngữ liệu dạy học theo Hiến pháp 2013 (sửa đổi, bổ sung 2025) và pháp luật hiện hành: Điều chỉnh ngữ liệu về cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước phù hợp với Hiến pháp đã sửa đổi; Cập nhật quy định về hệ thống chính trị, vai trò, mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Rà soát, cập nhật và bổ sung các quy định mới về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; trách nhiệm của công dân trong bảo vệ tổ quốc, chấp hành pháp luật và tham gia xây dựng hệ thống chính trị; ý thức công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục đạo đức liêm chính.

- Rà soát, cập nhật bổ sung các thông tin, ngữ liệu mới đảm bảo tính thời sự, điển hình, gắn với thực tiễn, trong đó đặc biệt lưu ý bổ sung các Nghị quyết mới của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến các nội dung chủ đề/bài học.

- Cập nhật địa danh các xã, phường, đặc khu theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố phù hợp với các nội dung chủ đề/bài học.

4. Tổ chức thực hiện

a) Đối với Sở GDĐT

- Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường, phân phối chương trình, tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT.

- Cử cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên cốt cán tham gia các lớp tập huấn do Bộ GDĐT tổ chức và tổ chức tập huấn đại trà đến tất cả giáo viên đang giảng dạy các môn học có sửa đổi, bổ sung chương trình.

b) Các cơ sở giáo dục phổ thông

- Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường, phân phối chương trình, tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT.

- Tăng cường sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, sinh hoạt cụm trường để cập nhật các nội dung dạy học phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông sửa đổi và thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, thực hiện chính quyền 02 cấp.

Nhận được Công văn này đề nghị các Sở GDĐT chỉ đạo, triển khai đến cán bộ quản lý và giáo viên trong dạy học và kiểm tra đánh giá từ năm học 2025-2026 (*tham khảo tài liệu hướng dẫn các môn học đính kèm*). Khi cần thêm thông tin liên hệ với Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Phổ thông)./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Thường trực Phạm Ngọc Thương (để báo cáo);
- Cục QLCL (để p/h thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**



Thái Văn Tài

Phần I

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI

I. Căn cứ chỉnh sửa

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lý (cấp Tiểu học, THCS) và môn Lịch sử cấp THPT (môn Lịch sử cấp THPT theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT) đã thực hiện được vài năm. Học sinh lớp 9 thi vào lớp 10, học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp THPT lần đầu tiên đã thi dựa trên chương trình này. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới hiện nay, đất nước đang có bước chuyển mình lớn, nhiều sự kiện lớn đang diễn ra, trong đó có cuộc cải cách hành chính với việc sáp nhập địa giới hành chính các địa phương, thực hiện chính quyền hai cấp,... nhiều văn bản pháp quy mới ra đời tác động tới tất cả các ngành, trong đó có giáo dục.

Trong giáo dục phổ thông, những thay đổi của đất nước đã tác động trực tiếp tới chương trình giáo dục và sách giáo khoa trong đó chương trình môn Lịch sử và Địa lý (cấp tiểu học, THCS) và môn Lịch sử cấp THPT. Điều này có nghĩa là có một số nội dung, một số điểm trong chương trình và SGK phải điều chỉnh. Đây chính là cơ sở và yêu cầu phải điều chỉnh chương trình và SGK lần này. Cụ thể như sau:

1. 1. Điều chỉnh nội dung một số chủ đề do sáp nhập địa giới hành chính

– Điều chỉnh chương trình và SGK do điều chỉnh, sáp nhập địa giới hành chính: Đó là việc sáp nhập tỉnh thành từ 63 xuống còn 34; bỏ cấp quận, huyện thành lập các phường, xã mới lớn hơn trước đây. Như vậy, có những nội dung trong chương trình và SGK đã thể hiện trước đây liên quan đến địa giới hành chính của môn Địa lý và môn Lịch sử cần phải điều chỉnh theo. Ví dụ: Các vùng kinh tế của môn Địa lý thay đổi (chẳng hạn như vùng kinh tế Tây Nguyên nay đã thay đổi), hay Vị trí phân bố di sản văn hóa vật thể ở Lịch sử lớp 10 qua lược đồ các tỉnh trước đây giờ đã thay đổi; hay Lược đồ các di sản văn hóa vật thể và di sản tư liệu thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung ở Lịch sử và Địa lý lớp 4,...

1. 2. Điều chỉnh chương trình và SGK do sửa đổi Hiến pháp

Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ra đời trong bối cảnh thực hiện cuộc cách mạng sắp xếp lại bộ máy hành chính đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình. Những thay đổi đó đã tác động trực tiếp tới môn Lịch sử ở lớp 10 (trong chuyên đề học tập: Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam,...).

1.3. Nội dung, yêu cầu cần đạt trong một số chủ đề, chuyên đề của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT Chương trình sửa đổi, bổ sung không bị tác động, ảnh hưởng của việc thực hiện chính quyền hai cấp (do chương trình không phản ánh, không thể hiện chi tiết, cụ thể nội dung kiến thức cũng như yêu cầu cần đạt về kiến thức và năng lực), nhưng nội dung kiến thức và yêu cầu cần đạt trong SGK lại thể hiện. Do đó, ở một số chủ đề, chuyên đề ở trong SGK phải chỉnh sửa:

- Do thay đổi địa giới hành chính, địa danh thay đổi, tên địa danh thay đổi. Ví dụ: Trong Lịch sử và Địa lý lớp 4 có bức ảnh về “Một góc xã Xuân Hòa” (huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định), hay bức ảnh “Thi đấu cờ người tại hội Phủ Dầy, tỉnh Nam Định”, nay những tên địa danh này đã thay đổi thì phải chỉnh sửa trong SGK, nhưng trong chương trình thì không thể hiện điều này.
- Do thay đổi địa giới hành chính nên các lược đồ, bản đồ trong SGK cũng phải thay đổi. Ví dụ: “Lược đồ một số đền tháp Champa” trong SGK lớp 5.
- Do thay đổi địa giới hành chính nên các bảng biểu, sơ đồ trong SGK cũng phải chỉnh sửa cho phù hợp. Ví dụ: Bảng “Danh mục một số Di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam” trong chuyên đề học tập Lịch sử 10; hay bảng “Danh mục một số di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam” cũng trong chuyên đề học tập Lịch sử 10.
- Do thay đổi địa giới hành chính nên một số ngữ liệu trong SGK cũng cần điều chỉnh cho phù hợp. Ví dụ: Trong nội dung: “Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay....” trong SGK Lịch sử lớp 12; hay trong chủ đề “Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông” trong SGK Lịch sử và Địa lý lớp 9.

1.4. Do sự thay đổi đơn vị hành chính và Hiến pháp sửa đổi, bổ sung:

Một số nội dung và yêu cầu cần đạt trong chương trình do sự thay đổi đơn vị hành chính và Hiến pháp điều chỉnh nên một số câu hỏi trong hệ thống câu hỏi ở một số bài SGK cũng cần được điều chỉnh cho phù hợp.

1.5. Một số bất cập của Chương trình

Chương trình và SGK cho đến nay được triển khai và thực hiện khoảng 5 năm, những ưu điểm đã được khẳng định, nhưng vẫn còn một số bất cập nên cần điều chỉnh cho hoàn thiện hơn đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Hơn nữa, việc phát triển chương trình là việc làm tất yếu và thường xuyên của ngành Giáo dục.

II. Những nội dung sửa đổi, bổ sung Chương trình

1. Cấp Tiểu học

1. Tại nội dung V.1.1. Các mạch nội dung, sửa đổi mạch nội dung Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) trang 6 dòng 8 dưới lên thành: Địa phương em (tỉnh, thành phố); sửa đổi nội dung Trung du và miền núi Bắc Bộ, trang 6 dòng 6 dưới lên thành: Trung du và miền núi phía Bắc, Duyên hải miền Trung, trang 6 dòng 5 dưới lên thành: Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ; bãi bỏ mạch nội dung Tây Nguyên, trang 6 dòng 4 dưới lên.
2. Tại nội dung V.1.2. Các chủ đề, sửa mạch nội dung Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) trang 7 dòng 10 trên xuống thành: Địa phương em (tỉnh, thành phố); mạch nội dung Trung du và miền núi Bắc Bộ, trang 7 dòng 12 trên xuống thành: Trung du và miền núi phía Bắc.
3. Tại nội dung V.1.2. Các chủ đề, sửa đổi mạch nội dung Duyên hải miền Trung trang 7 và Tây Nguyên trang 8 thành:

Mạch nội dung	Chủ đề
Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Cố đô Huế Phố cổ Hội An Lễ hội Công chiêng Tây Nguyên.

4. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa phần nội dung: Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) trang 9, dòng 3 dưới lên thành: Địa phương em (tỉnh, thành phố).
5. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, phần nội dung và yêu cầu cần đạt về Trung du và miền núi Bắc Bộ, trang 10 các dòng 1, 2, 3, 5, 7, 10, 12 dưới lên trang 11 dòng 2, 3, 4, 5 trên xuống sửa đổi cụm từ “Trung du miền núi Bắc Bộ” thành “Trung du và miền núi phía Bắc”.
6. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá, trang 11 dòng 5, 6, 7 trên xuống thành: Mô tả được một số nét văn hoá của các dân tộc ở vùng trung du và miền núi phía Bắc (ví dụ: lễ hội Gầu Tào, hát Then, múa xoè Thái, lễ hội Lồng Tồng, chợ phiên vùng cao,...).

7. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương, trang 11 dòng 8, 9 trên xuống thành: Xác định được vị trí của khu di tích Đền Hùng trên bản đồ hoặc lược đồ.
8. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Thăng Long – Hà Nội, trang 12 dòng 3, 4 dưới lên thành: Nêu được địa thế trung tâm thuận lợi của Thăng Long thể hiện ở Chiều dơi đô của Lý Công Uẩn.
9. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Thăng Long – Hà Nội, trang 13 dòng 3, 4 trên xuống thành: Nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam có sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí.
10. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Văn Miếu – Quốc Tử Giám, trang 13 dòng 7, 8 trên xuống thành: Xác định được vị trí của một số công trình tiêu biểu: Khuê Văn Các, nhà bia tiên sĩ, Văn Miếu, Quốc Tử Giám trên sơ đồ khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
11. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Văn Miếu – Quốc Tử Giám, trang 13 dòng 12 trên xuống thành: Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
12. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, bãi bỏ tên chủ đề Duyên hải miền Trung, trang 13 dòng 13 trên xuống; sửa đổi bổ sung nội dung và yêu cầu cần đạt của Duyên hải miền Trung trang 13, 14 và Tây Nguyên trang 14, 15, 16 thành:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ	
Thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, một số cao nguyên,...) của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. – Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...) của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nét điển hình của khí hậu ở một địa điểm thông qua đọc số liệu về lượng mưa, nhiệt độ. – Nêu được tác động của thiên nhiên đối với hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. – Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai. – Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. – Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai.
Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên một số dân tộc ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. – Nêu được một số hoạt động kinh tế (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện,...). – Xác định được một số di sản thế giới ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ. – Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. – Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về anh hùng Núp, N’Trang Long, Hồ Kan Lịch,...
Cố đô Huế	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí địa lí của cố đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ. – Mô tả được vẻ đẹp của cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu như: Kinh thành Huế, chùa Thiên Mụ, các lăng của vua Nguyễn,... – Kể lại được một số câu chuyện lịch sử liên quan đến cố đô Huế. – Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của cố đô Huế.
Phố cổ Hội An	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ. – Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (ví dụ: Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,...) có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...). – Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

Lễ hội Công chiêng Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên. – Nêu được vai trò của công chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. – Mô tả được những nét chính về lễ hội Công chiêng Tây Nguyên.
-------------------------------	---

13. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 4, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17 dòng 4, 5 trên xuống thành: Nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam có sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí.
14. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 5, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Dân cư và dân tộc ở Việt Nam, trang 18 dòng 6, 7, 8 dưới lên thành: Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam; nêu được một số tác động của gia tăng dân số đến phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
15. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 5, sửa đổi yêu cầu cần đạt của nội dung Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc, trang 19 dòng 7, 8 dưới lên thành: Kể được tên và vẽ được đường thời gian thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...).
16. Tại nội dung VIII.2. Thời lượng thực hiện chương trình, sửa nội dung Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), trang 30 dòng 6 trên xuống thành: Địa phương em (tỉnh, thành phố); Trung du và miền núi Bắc Bộ (dòng 7 trên xuống) thành: Trung du và miền núi phía Bắc; Duyên hải miền Trung (dòng 9 trên xuống) thành Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ; bãi bỏ nội dung “Tây Nguyên” trang 6 dòng 10 trên xuống.
17. Tại nội dung VIII.2. Thời lượng thực hiện chương trình, đối với Lớp 4 sửa đổi thành:

Thời gian dành cho mỗi lớp học là 70 tiết/lớp/năm học, dạy trong 35 tuần. Dự kiến thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung được trình bày trong bảng sau, tùy theo đặc điểm địa phương các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và điều chỉnh % số tiết cho các mạch nội dung sao cho phù hợp:

Nội dung		Lớp 4
Địa phương và các vùng của Việt Nam	Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	3%
	Địa phương em (tỉnh, thành phố)	6%
	Trung du và miền núi phía Bắc	14%
	Đồng bằng Bắc Bộ	20%
	Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	30%
	Nam Bộ	17%
Đánh giá định kì		10%

2. Cấp Trung học cơ sở

Lớp 6

- Tại nội dung *Thời nguyên thủy* sửa đổi yêu cầu cần đạt Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người tại dòng 14, 15 từ trên xuống, trang 16 thành: Nêu được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.
Lược bỏ yêu cầu cần đạt: Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam tại dòng 6, 7 từ dưới lên, trang 16.
- Tại nội dung *Xã hội cổ đại*:
 - Lược bỏ yêu cầu cần đạt Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng tại dòng 1, 2 từ dưới lên, trang 17.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy tại dòng 2, 3 từ trên xuống, trang 18 thành: Vẽ được trục thời gian các giai đoạn phát triển của Trung Quốc thời cổ đại.
- Tại nội dung *Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên đến đầu thế kỉ X*, lược bỏ yêu cầu cần đạt Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ tại dòng 1, 2 từ dưới lên, trang 18.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc tại dòng 2 từ trên xuống, trang 19 thành: Trình bày được sự thành lập và tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.

- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...) tại dòng 8, 9, 10, 11, 12 từ trên xuống, trang 19 thành: Nêu được nguyên nhân, nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa tại dòng 6 từ trên xuống, trang 20 thành: Nêu được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Champa.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam tại dòng 11 từ trên xuống, trang 20 thành: Trình bày được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Phù Nam.

Lớp 7

4. Tại nội dung *Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX*, sửa đổi yêu cầu cần đạt Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh) tại dòng 7, 8 từ dưới lên, trang 25 thành: Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX (các thời Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).
5. Tại nội dung Vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, sửa đổi yêu cầu cần đạt Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI tại dòng 9, 10 từ trên xuống, trang 29 thành: Nêu được những nét cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Lớp 8

6. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 8 Địa lí sửa đổi bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ trang 30 dòng 9 dưới lên thành: Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí; phạm vi lãnh thổ nước ta và các tỉnh, thành phố.
7. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 8 Địa lí sửa đổi bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng dòng 10, 11 từ trên xuống thành: Đọc được biểu đồ khí hậu của một số trạm khí tượng thủy văn.
8. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 8 Địa lí sửa đổi bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí

hậu và thủy văn Việt Nam trang 31 dòng 6, 7 từ dưới lên, cột trái thành: Tác động của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên Việt Nam; yêu cầu cần đạt dòng 13, 14 từ trên xuống thành: Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với một số yếu tố của tự nhiên Việt Nam.

9. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 8 Địa lí sửa đổi bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông trang 32 dòng thứ 1 dưới lên, trang 33 dòng 1, 2, 3 trên xuống thành: Trình bày được các vùng biển nước ta: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).
10. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 8 Địa lí bổ sung thêm yêu cầu cần đạt vào Chủ đề chung nội dung Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam trang 38 dòng 8 dưới lên như sau:
 - Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam); xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở; đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.
 - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
11. Tại nội dung Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII, gộp và sửa đổi yêu cầu cần đạt: Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn; Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn tại dòng 9, 10, 11 từ dưới lên, trang 34 thành: Giải thích được nguyên nhân bùng nổ, nêu được nét chính diễn biến, hệ quả của cuộc xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII tại dòng 7, 8 từ dưới lên, trang 34 thành: Trình bày được khái quát về quá trình khai phá vùng đất phía Nam của Đại Việt từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII.
 - Lược bỏ yêu cầu cần đạt Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn tại dòng 5, 6 từ dưới lên, trang 34.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn, tại dòng 6, 7 từ trên xuống, trang 35 thành: Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung đối với thống nhất đất nước, chống xâm lược và bước đầu xây dựng đất nước.

Lớp 9

12. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bổ sung nội dung Gia tăng dân số ở các thời kì, trang 39, dòng 6 trên xuống thành: Quy mô dân số và gia tăng dân số ở các thời kì; sửa yêu cầu cần đạt của nội dung này dòng 6 trên xuống cột phải thành: Trình bày được quy mô dân số và tình hình gia tăng dân số qua các thời kì.
13. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí bổ sung yêu cầu cần đạt vào nội dung Lao động và việc làm trang 39 dòng 10 trên xuống như sau:
 - Nêu được đặc điểm nguồn lao động nước ta; trình bày được thực trạng sử dụng nguồn lao động ở nước ta.
 - Trình bày được thực trạng vấn đề việc làm ở nước ta; phương hướng giải quyết việc làm.
14. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Các nhân tố chính ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản trang 39, dòng 3, 4 dưới lên thành: Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản.
15. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bãi bỏ một phần yêu cầu cần đạt của nội dung Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản trang 39, dòng 1, 2 dưới lên: Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.
16. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bãi bỏ một phần nội dung và yêu cầu cần đạt Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh trang 40, dòng 5 trên xuống.
17. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, sửa đổi bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp chủ yếu, trang 40, dòng 11 trên xuống thành: Xác định được trên bản đồ một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.
18. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông, trang 40, dòng 3 dưới lên thành: Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông.
19. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, sửa đổi tiêu mục Sự phân hoá lãnh thổ, trang 41 dòng 2 trên xuống thành: Địa lí các vùng kinh tế - xã hội.

20. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, sửa đổi tên vùng Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, trang 41 dòng 3 trên xuống thành: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc.
21. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bãi bỏ nội dung và yêu cầu cần đạt về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trang 42, dòng 4 trên xuống.
22. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bãi bỏ nội dung và yêu cầu cần đạt ở nội dung Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên trang 42 và 43.
23. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 19 Địa lí, bổ sung nội dung và yêu cầu cần đạt sau vùng Bắc Trung Bộ trang 42 như sau: Vùng Nam Trung Bộ (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên):

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	– Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.
– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	– Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc, văn hóa.
– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	– Phân tích được tình hình phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu); các vấn đề môi trường trong phát triển.

24. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bãi bỏ nội dung và yêu cầu cần đạt về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trang 44, dòng 9, 10 trên xuống
25. Tại nội dung V.2. Nội dung. cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, bãi bỏ nội dung và yêu cầu cần đạt về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long trang 44, dòng 1, 2 dưới lên.
26. Tại nội dung V.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp, lớp 9 Địa lí, sửa đổi, bổ sung yêu cầu cần đạt của nội dung Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài

nguyên, môi trường biển đảo trang 45, dòng 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 trên xuống thành:

- Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ một số đảo và các tỉnh có các đảo đó.
 - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
 - Phân tích được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển đảo ở Việt Nam.
27. Tại chương Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945, sửa đổi yêu cầu cần đạt tại các dòng 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 từ trên xuống, trang 47 thành:
- + Nêu được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; chuẩn bị về lực lượng, sự ra đời căn cứ địa.
 - + Trình bày thời cơ, nét chính diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
28. Tại chương Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, sửa đổi yêu cầu cần đạt Nhận biết được những biện pháp chủ yếu... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại dòng thứ 10, 11, 12, 13 từ trên xuống, trang 48 thành: Nêu được những biện pháp chủ yếu... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp tại dòng 3, 4 từ dưới lên, trang 48 thành: Trình bày được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự (Hoàn cảnh lịch sử, nét chính diễn biến của Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ), kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...) tại dòng 6, 7, 8, 9, 10, 11 từ trên xuống, trang 49 thành: Trình bày được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước giai đoạn

1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; chiến đấu chống các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy Mậu Thân 1968; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975).

– Chuyển và ghép yêu cầu cần đạt của nội dung Việt Nam trong những năm 1976 - 1991 tại dòng 6, 7, 8, 9, 10, 11 từ dưới lên, trang 49 với yêu cầu cần đạt của nội dung Việt Nam từ năm 1991 tại dòng 6, 7, 8 từ dưới lên, trang 50 thành Việt Nam từ năm 1976 đến nay với các yêu cầu cần đạt như sau:

+ Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1989, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo sau năm 1975.

+ Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.

+ Nêu được nguyên nhân, nội dung đường lối của Đảng và những thành tựu tiêu biểu của công cuộc Đổi mới đất nước từ 1986 đến nay (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...).

+ Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.

29. Tại mục VIII.2. Thời lượng thực hiện chương trình, sửa đổi, bổ sung thời lượng thực hiện chương trình, trang 60, dòng 8, dưới lên thành:

Thời lượng dành cho môn học là 105 tiết/lớp/năm học. Số tiết dành cho các mạch nội dung trong bảng sau, tùy theo đặc điểm địa phương các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và điều chỉnh số tiết cho các mạch nội dung sao cho phù hợp:

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Địa lí	52	52	52	52
Lịch sử	53	53	53	53
Thế giới	22	20	20	19
Việt Nam	23	22	21	21
Chủ đề chung		3	4	5
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8

Bảng so sánh đối chiếu Chương trình sửa đổi, bổ sung với Chương trình 2018

LỊCH SỬ 6

Bảng so sánh đối chiếu Chương trình sửa đổi, bổ sung với Chương trình 2018		
Nội dung	Yêu cầu cần đạt Chương trình sửa đổi, bổ sung	Yêu cầu cần đạt Chương trình 2018
THỜI NGUYÊN THỦY		THỜI NGUYÊN THỦY
– Xã hội nguyên thủy	<p>– Nêu được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người</p> <p>Lược bỏ yêu cầu cần đạt: Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam tại dòng 6, 7 từ dưới lên, trang 16.</p>	<p>– Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.</p> <p>Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.</p>
XÃ HỘI CỔ ĐẠI		XÃ HỘI CỔ ĐẠI
– Trung Quốc	<p>– Trình bày được điều kiện tự nhiên và ảnh hưởng của nó đến sự ra đời của Trung Quốc thời cổ đại</p> <p>– Lược bỏ yêu cầu cần đạt Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng tại dòng 1, 2 từ dưới lên, trang 17.</p> <p>– Vẽ được trục thời gian các giai đoạn phát triển của Trung Quốc thời cổ đại.</p>	<p>– Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.</p> <p>– Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.</p> <p>– Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.</p>

VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X		VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X
– Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	Lược bỏ yêu cầu cần đạt: Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. – Trình bày được sự thành lập và tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.	– Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. – Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.
Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc	– Nêu được nguyên nhân, nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng	– Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).
– Vương quốc Champa	– Nêu được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Champa.	– Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa.
– Vương quốc Phù Nam	– Trình bày được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Phù Nam.	– Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.

LỊCH SỬ 7

Nội dung	Yêu cầu cần đạt Chương trình sửa đổi, bổ sung	Yêu cầu cần đạt Chương trình 2018
TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX		TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

– Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX	– Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX (các thời Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).	– Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).
– Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	Nêu được những nét cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.	Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

LỊCH SỬ 8

Nội dung	Yêu cầu cần đạt Chương trình sửa đổi, bổ sung	Yêu cầu cần đạt Chương trình 2018
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII		VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII
– Xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn XIX	– Giải thích được nguyên nhân bùng nổ, nêu được nét chính diễn biến, hệ quả của cuộc xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn.	– Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn. – Nêu được hệ quả của xung đột Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn.
Những nét chính trong quá trình khai phá từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	– Trình bày được khái quát về quá trình khai phá vùng đất phía Nam của Đại Việt từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII.	– Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. – Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn. (trùng lặp với nội dung này của chủ đề chung)
– Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII	– Nêu được bối cảnh lịch sử, nét chính diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.	– Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.

	– Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII	– Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII.
– Phong trào Tây Sơn	– Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung đối với thống nhất đất nước, chống xâm lược và bước đầu xây dựng đất nước.	– Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong phong trào Tây Sơn.

LỊCH SỬ 9

Nội dung	Yêu cầu cần đạt Chương trình sửa đổi, bổ sung	Yêu cầu cần đạt Chương trình 2018
VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945		VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945
– Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930	– Trình bày được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.	– Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.
– Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	– Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. – Trình bày được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	– Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930. – Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
– Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939	– Trình bày được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và phong trào dân chủ 1936 – 1939.	– Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.

<p>– Cách mạng tháng Tám năm 1945</p>	<p>– Nêu được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; chuẩn bị về lực lượng, sự ra đời căn cứ địa.</p> <p>– Trình bày thời cơ, nét chính diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</p>	<p>– Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.</p> <p>– Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</p>
<p>VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975</p>		<p>VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991</p>
<p>– Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám</p>	<p>– Nêu được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.</p>	<p>– Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.</p>
<p>– Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954</p>	<p>– Trình bày được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự (Hoàn cảnh lịch sử, nét chính diễn biến của Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ), kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp.</p>	<p>– Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.</p> <p>– Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp.</p>

<p>– Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975</p>	<p>– Trình bày được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; chiến đấu chống các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy Mậu thân 1968; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975).</p>	<p>– Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...).</p> <p>Việt Nam trong những năm 1976 – 1991:</p> <p>+ Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.</p> <p>+ Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.</p> <p>+ Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.</p> <p>+ Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới. (Chuyển ghép với giai đoạn 1991-nay)</p>
--	--	---

VIỆT NAM TỪ 1976 ĐẾN NAY		VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY
– Việt Nam trong những năm 1976 – 1985	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1989, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo sau năm 1975. – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985. 	<p>Việt Nam trong những năm 1976 – 1991</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.
– Việt Nam từ năm 1986 đến nay	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nguyên nhân, nội dung đường lối của Đảng và những thành tựu tiêu biểu của công cuộc Đổi mới đất nước từ 1986 đến nay (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...). – Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới. 	<p>Việt Nam trong những năm 1976 – 1991 <i>(Đổi mới ở Việt Nam từ 1986- 1991):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991. – Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới. <p>Việt Nam từ 1991 đến nay</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay: <p>Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...)</p>

		của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.
--	--	--

Chương trình sửa đổi, bổ sung					
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH					
2. Thời lượng thực hiện chương trình Thời lượng dành cho môn học là 105 tiết/lớp/năm học. Số tiết dành cho các mạch nội dung trong bảng sau, tùy theo đặc điểm địa phương các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và điều chỉnh số tiết cho các mạch nội dung sao cho phù hợp					
Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
Địa lí	52	52	52	52	
Địa lí tự nhiên đại cương	44				
Địa lí các châu lục		40			
Địa lí tự nhiên Việt Nam			39		
Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam				41	

Chương trình 2018					
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH					
2. Thời lượng thực hiện chương trình Thời lượng dành cho môn học là 105 tiết/lớp/năm học. Tỷ lệ % số tiết dành cho các mạch nội dung trong bảng sau:					
Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Toàn cấp
Địa lí	45	42	41	40	42
Địa lí tự nhiên đại cương	45				44
Địa lí các châu lục		42			11
Địa lí tự nhiên Việt Nam			41		10

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Chủ đề chung		4	5	3
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8
Lịch sử	53	53	53	53
Thế giới	22	20	20	19
Việt Nam	23	22	21	21
Chủ đề chung		3	4	5
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Toàn cấp
Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam				40	10
Lịch sử	42	42	41	40	42
Thế giới	22	20	20	19	20
Việt Nam	23	22	21	21	22
Chủ đề chung		6	8	10	6
Đánh giá định kì	10	10	10	10	10

3. Cấp Trung học phổ thông

Lớp 10

1. Tại chủ đề *Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)*, sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc tại dòng thứ 2, từ dưới lên, trang 15 thành: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Champa.
 - Bổ sung yêu cầu cần đạt: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Champa sau dòng thứ 3, từ trên xuống, trang 16.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa tại dòng thứ 4, từ trên xuống, trang 16 thành: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Champa.
 - Bổ sung yêu cầu cần đạt: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Phù Nam sau dòng thứ 7, từ trên xuống, trang 16.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam tại dòng thứ 8, từ trên xuống, trang 16 thành: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.
 - Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu

ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ tại dòng thứ 1, từ dưới lên, trang 16 và dòng 2-3, từ trên xuống, trang 17 thành: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, đấu tranh gìn giữ văn hoá, bản sắc dân tộc trong thời kì Bắc thuộc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ.

– Bổ sung yêu cầu cần đạt: Đề xuất được các giải pháp nhằm gìn giữ và phát huy những giá trị của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858) trong cuộc sống hiện nay trên dòng thứ 6, từ dưới lên, trang 17.

2. Tại chủ đề *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, sửa đổi yêu cầu cần đạt Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay tại dòng 7 -8, từ trên xuống, trang 18 thành: Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

3. Tại Chuyên đề 10.3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ:

– Tại nội dung: Bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam trang 26, dòng 3 từ trên xuống sửa đổi thành: Bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam: các năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 và năm 2025 (năm sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013).

– Tại yêu cầu cần đạt trang 26, dòng 2 sửa đổi thành: Nêu được bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992, 2013 và năm 2025 (năm sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.

– Tại nội dung Hiến pháp của thời kì đổi mới, bổ sung thêm Hiến pháp 2013 sửa đổi, bổ sung trang 26, dòng 2 từ dưới lên; bổ sung thêm nội dung: Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); bổ sung thêm yêu cầu cần đạt: Nêu được những nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Giải thích được ý nghĩa những nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 đối với công cuộc đổi mới, đưa đất nước vào kỉ nguyên vươn mình.

Bảng so sánh Chương trình sửa đổi, bổ sung so với Chương trình 2018 (Lớp 10)

Nội dung	Chương trình theo Thông tư 13 (2022)	Chương trình sửa đổi bổ sung (2025)
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)		
<p><i>Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam</i> <i>Văn minh Văn Lang - Âu Lạc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
<p><i>Văn minh Champa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Champa - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Champa.
<p><i>Văn minh Phù Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Phù Nam. - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.
<p><i>Văn minh Đại Việt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Cơ sở hình thành</i> - <i>Quá trình phát triển</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, đấu tranh gìn giữ văn hoá, bản sắc dân tộc trong thời kì Bắc thuộc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. - Đề xuất được các giải pháp nhằm gìn giữ và phát huy những giá trị của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858) trong cuộc sống hiện nay.

CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

<p><i>Khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</i></p> <p>– Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc.</p> <p>Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.</p> <p>– Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay</p>	<p>– Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.</p>	<p>– Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.</p>
--	--	--

Chuyên đề 10. 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ

<p>Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</p> <p>Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</p> <p>Bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam: các năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 và năm 2025 (năm sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013).</p>	<p>– Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.</p>	<p>– Nêu được bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992, 2013 và năm 2025 (năm sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.</p>
---	--	---

<p><i>Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam: Hiến pháp năm 1946</i></p> <p>Một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946</p> <p>- Ý nghĩa lịch sử</p>		
---	--	--

<p>- Ý nghĩa lịch sử</p> <p>Hiến pháp của thời kì đổi mới: Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013</p> <p>Hiến pháp năm 1992: Hiến pháp đầu tiên của thời kì đổi mới</p> <p>Hiến pháp năm 2013: Hiến pháp thứ hai của thời kì đổi mới</p> <p>Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)</p>		<p>Nêu được những nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Giải thích được ý nghĩa những nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 đối với công cuộc đổi mới, đưa đất nước vào kỉ nguyên vươn mình.</p>
--	--	---

Phần II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI

I. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài học, tổ chức dạy học môn Lịch sử

1. Khái niệm và ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn

Kế hoạch giáo dục (KHGD) của Tổ chuyên môn (TCM) là bản dự kiến kế hoạch triển khai tất cả các hoạt động của TCM trong một năm học nhằm thực hiện những mục tiêu phát triển của TCM và của nhà trường, bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT¹. KHGD của TCM bao gồm kế hoạch dạy học (KHGDH) môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục².

Xây dựng kế KHGD của TCM là một phần của nhiệm vụ xây dựng và thực hiện KHGD của nhà trường trong năm học. Bên cạnh đó, việc xây dựng KHDH và KHGD của TCM còn có ý nghĩa sau:

- Đối với công tác quản lý, xây dựng KHGD của TCM giúp bảo đảm tính thống nhất hoạt động giữa các TCM trong thực hiện KHGD của nhà trường trong năm học. Đây là cơ sở để tổ trưởng chuyên môn, Giám đốc trung tâm theo dõi, đôn đốc thực hiện và đánh giá việc thực hiện công tác trong năm học nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả các công việc đã đề ra.
- Đối với việc triển khai thực hiện chương trình, KHGD của TCM là một căn cứ quan trọng để phân công nhiệm vụ cho GV bộ môn, đặc biệt là nhiệm vụ giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ đó, GV có cơ sở triển khai việc xây dựng KHGD của cá nhân và kế hoạch bài dạy (KHBD) để thực hiện nhiệm vụ của mình. KHGD của TCM là cầu nối giữa mục tiêu chung của chương trình với các bài học cụ thể của GV. Với một kế hoạch được xây dựng, GV có cơ sở để triển khai việc dạy học hiệu quả và sử dụng nó như một danh sách theo dõi và thực hiện các công việc mà bản thân được phân công trong năm học.

¹ Bộ GD&ĐT (2020), *Xây dựng kế hoạch giáo dục và đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử, Tài liệu tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn*.

² Bộ GD&ĐT, công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

1.2. Các yêu cầu đối với xây dựng kế hoạch của Tổ chuyên môn

- Đảm bảo tính pháp lý: KHGD của TCM cần được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý cụ thể và các kế hoạch cấp cao hơn như: Hướng dẫn nhiệm vụ năm học của sở GDĐT; Khung kế hoạch thực hiện chương trình các môn học, chuyên đề lựa chọn, hoạt động giáo dục của trung tâm và nội dung giáo dục của địa phương; Công văn hướng dẫn nhiệm vụ năm học... Nguyên tắc pháp lý này đảm bảo sự thống nhất để thực hiện các loại kế hoạch theo hướng ngày càng cụ thể hóa các kế hoạch tổng thể để thực hiện linh hoạt và có hiệu quả Chương trình môn Lịch sử.
- Đảm bảo tính khả thi: Khi xây dựng KHGD, TCM cần dựa trên việc phân tích đặc điểm tình hình của tổ và nhà trường (đặc điểm HS, tình hình đội ngũ, thiết bị, phòng học bộ môn...), chú trọng và tính đến sự phân hóa của các yếu tố liên quan để xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) định kì và các nội dung khác phù hợp.
- Đảm bảo tính logic: Cần đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất trong và giữa các môn học và hoạt động giáo dục. Kế hoạch của TCM theo từng khối lớp cần sắp xếp các bài học theo thời gian thực hiện phù hợp, chú trọng đến sự thống nhất với các môn học và hoạt động giáo dục khác về khung thời gian, bố trí thời gian đánh giá phù hợp với kế hoạch chung của các nhà trường.
- Đảm bảo tính linh hoạt: Kế hoạch của TCM là bản kế hoạch các nhiệm vụ được đề ra để thực hiện trong năm học. Đây không phải là một kế hoạch cứng nhắc để thực thi, trong các trường hợp cần thiết do sự thay đổi của thực tiễn, kế hoạch này có thể được điều chỉnh kể cả về mặt nội dung và thời gian thực hiện. Đồng thời, khi GV phát triển KHGD của TCM thành KHGD của cá nhân và KHBD có thể linh hoạt trong những trường hợp cần thiết để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế.

1.3. Vai trò của giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn

- Đối với việc xây dựng KHGD của TCM: mỗi GV đều phải góp phần vào xây dựng KHGD của tổ. Tổ trưởng chuyên môn là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức xây dựng KHGD của TCM. Các thành viên khác dưới sự tổ chức và phân công nhiệm vụ của tổ trưởng sẽ tham gia vào quá trình này. GV tổ bộ môn cần tích cực, chủ động đề xuất các ý tưởng, tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến, phản hồi để hoàn thiện kế hoạch. Sự tham gia của các thành viên TCM sẽ đảm bảo việc xây dựng một kế hoạch có tính thống nhất đạt được sự đồng thuận cao trong việc thiết lập các kế hoạch và mục tiêu chung của tổ để thực hiện hiệu quả các mục tiêu trong năm học.

- Đối với việc thực hiện KHGD của TCM: KHGD của TCM khi được phê duyệt sẽ là căn cứ để GV triển khai thực hiện. GV cần nắm rõ các công việc và nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch để thực hiện theo đúng lịch trình. Mỗi GV có thể cụ thể hóa kế hoạch của TCM thành kế hoạch cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ một cách hiệu quả. Quá trình thực hiện các nhiệm vụ KHGD của TCM vì thế vừa là quá trình thực hiện các kế hoạch đặt ra, vừa là quá trình cá nhân hóa các nhiệm vụ phù hợp với mỗi GV trong năm học. Riêng tổ trưởng chuyên môn còn phải theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch để đảm bảo các nhiệm vụ được thực hiện, phối hợp với GV của tổ và Ban Giám hiệu nhà trường để giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có.

1. 4. Cấu trúc Kế hoạch bài dạy của Tổ chuyên môn

KHGD của tổ chuyên bao gồm KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. TCM trong quá trình xây dựng các kế hoạch này có thể tham khảo cấu trúc gợi ý dưới đây để thực hiện³:

Bảng 2.1. Khung kế hoạch dạy học của TCM

TRƯỜNG:.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM			
TỔ:.....	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc			
KẾ HOẠCH DẠY HỌC				
MÔN LỊCH SỬ, LỚP.....				
(Năm học 20..... – 20.....)				
I. Đặc điểm tình hình				
1. Số lớp:....; Số HS:....; Số HS học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....				
2. Tình hình đội ngũ: Số GV:....; Trình độ đào tạo: Đại học:.....; Trên đại học:				
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....				
Chưa đạt:.....				
3. Thiết bị dạy học:				
STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài học/thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

³ Bộ GD&ĐT (2020), Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học⁴

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
3			
4			
5			
...			

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
...			

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....
.....
.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

ngày.....tháng.....năm 20...

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

⁴ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

Bảng 2.1. Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM

TRƯỜNG:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 20..... – 20.....)

1. Khối lớp:.....; Số HS:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (1)	Thời điểm (1)	Địa điểm (1)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:.....; Số HS:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (1)	Thời điểm (1)	Địa điểm (1)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

3. Khối lớp:.....; Số HS:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (1)	Thời điểm (1)	Địa điểm (1)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

ngày.....tháng.....năm 20...

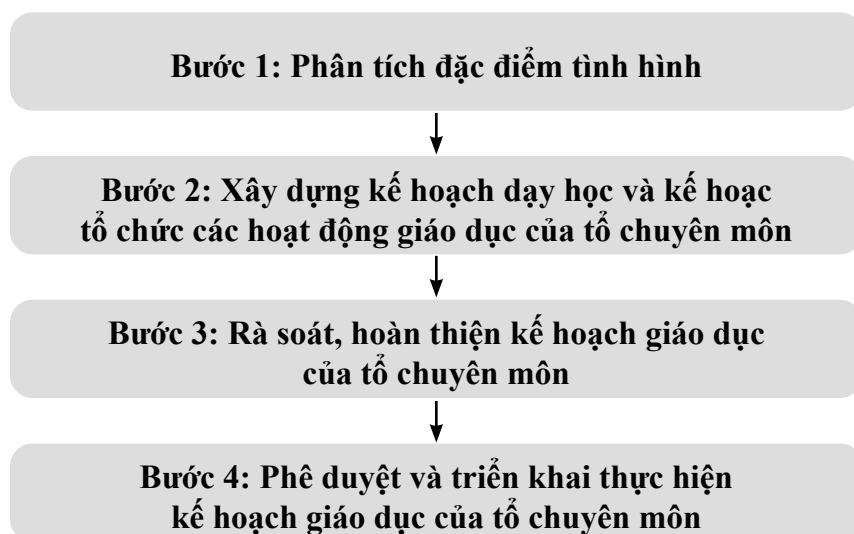
TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

1.5. Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của TCM

Đầu năm học, Hiệu trưởng tổ chức họp các thành phần liên quan để xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình giáo dục Nhà trường của từng môn học, chuyên đề học tập lựa chọn, hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục địa phương. Trên cơ sở này, các TCM, trong đó có TCM Lịch sử tiến hành xây dựng KHGD của tổ. Đây là một phần của nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng và thực hiện KHGD để thực hiện Chương trình môn Lịch sử. Xây dựng KHGD của TCM bao gồm xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục được phân công.

Việc xây dựng KHGD của TCM gắn liền với nhiều nhiệm vụ, liên quan đến cả kế hoạch chung của nhà trường, các TCM khác và tất cả các GV bộ môn. Vì vậy nó đòi hỏi quá trình xây dựng phải xem xét cân nhắc nhiều yếu tố, có sự liên hệ ngược, bàn luận xen kẽ chứ không thể theo một quy trình tuyến tính. Có thể tham khảo các bước dưới đây:



Hình 2.1: Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của TCM

a. Bước 1: Phân tích đặc điểm tình hình

Để xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM (theo cấu trúc hướng dẫn tại các phụ lục 1 và phụ lục 2 của công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH), cần phải đánh giá đầy đủ:

- Tình hình HS: TCM cần thống kê số lớp học và tổng số HS của mỗi khối lớp (theo tình hình HS chọn môn học) và số HS học chuyên đề lựa chọn (theo tình hình HS chọn chuyên đề) trong năm học của mỗi khối lớp.
- Tình hình GV: Số GV, trình độ đào tạo của các GV trong tổ theo các cấp từ cao đẳng, đại học, trên đại học và mức đạt chuẩn nghề nghiệp GV theo các mức: Tốt,

Khá, Đạt, Chưa đạt theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GDPT).

- Tình hình thiết bị dạy học của môn học do TCM phụ trách (theo phụ lục 1 của công văn 5512), trong đó đánh giá cụ thể thiết bị dạy học nào còn sử dụng được để dạy học các chủ đề nào trong chương trình môn Lịch sử. Cần lưu ý phương tiện, trang thiết bị dạy học của bài học nhằm đảm bảo yêu cầu đạt (YCCĐ). Cùng với việc so sánh đối chiếu với kết quả phân tích tình hình, đối chiếu với Thông tư của Bộ GDĐT về “Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu” để xem xét các thiết bị hiện có có đảm bảo yêu cầu sử dụng đầy đủ hay chưa để đề xuất sửa chữa, sắm mới, thiết kế thêm).
- Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập. Đối với các phòng hoặc địa điểm có thể sử dụng để tổ chức dạy học, TCM có thể lập danh sách dưới dạng bảng theo tên phòng, số lượng, phạm vi và nội dung sử dụng và những ghi chú về đặc điểm, tình trạng để có định hướng sử dụng phù hợp.

b. Bước 2: Xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của TCM

Trên cơ sở tình hình năm học đã phân tích, TCM tiến hành xây dựng KHDH và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho các khối lớp. Nhiệm vụ chính trong xây dựng các loại kế hoạch này bao gồm: (1) Phân phối chương trình, (2) KHDH các chuyên đề lựa chọn; (3) Kế hoạch các bài KTĐG định kỳ; (4) Kế hoạch các nội dung khác (nếu có) và (5) Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Cụ thể:

(1) Xây dựng phân phối chương trình các khối lớp

Chương trình GDPT tổng thể quy định thời lượng thực học trong một năm học số buổi học, số tiết học tối đa trong một buổi, thời gian mỗi tiết học. Dựa trên cơ sở đó, Chương trình GDPT môn Lịch sử quy định những nội dung và YCCĐ phải thực hiện, xác định tỉ lệ thời lượng của các mạch nội dung lớn. Vì vậy, việc dạy học đảm bảo các YCCĐ trong bối cảnh thời gian nhất định (có hạn) đòi hỏi phải có sự cân đối, sắp xếp thời lượng cho các nội dung một cách phù hợp để sử dụng hiệu quả thời gian cho phép. Đây là nhiệm vụ của xây dựng phân phối chương trình. TCM có thể thực hiện theo cách thức gợi ý sau:

- Xác định thời lượng dạy học các mạch nội dung chính trong chương trình: Để thực hiện, TCM nghiên cứu Chương trình GDPT môn Lịch sử (phần Giải thích và hướng dẫn thực hiện) nhằm xác định tổng thời lượng được quy định cho môn học, tỉ lệ thời lượng dành cho các mạch nội dung chính và thời lượng dành cho đánh giá định kì, từ đó tính số tiết cụ thể để thực hiện các mạch nội dung chính.

** Đối với cấp Tiểu học*

Thời gian dành cho mỗi lớp học là 70 tiết/lớp/năm học, dạy trong 35 tuần. Dự kiến thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung được trình bày trong bảng sau:

Mạch nội dung		Lớp 4	Lớp 5
Địa phương và các vùng của Việt Nam	Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	3%	
	Địa phương em (tỉnh, thành phố)	6%	
	Trung du và miền núi phía Bắc	18%	
	Đồng bằng Bắc Bộ	25%	
	Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	27%	
	Nam Bộ	21%	
Việt Nam	Đất nước và con người Việt Nam		16%
	Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam		10%
	Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam		34%
Thế Giới	Các nước láng giềng		10%
	Tìm hiểu thế giới		14%
	Chung tay xây dựng thế giới		6%
Đánh giá định kì		10%	10%

** Đối với cấp THCS*

Thời lượng dành cho môn học là 105 tiết/lớp/năm học. Số tiết dành cho các mạch nội dung trong bảng sau, tùy theo đặc điểm địa phương các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và điều chỉnh số tiết cho các mạch nội dung sao cho phù hợp:

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Địa lí	52	52	52	52
Địa lí tự nhiên đại cương	44			
Địa lí các châu lục		40		
Địa lí tự nhiên Việt Nam			39	

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam				41
Chủ đề chung		4	5	3
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8
Lịch sử	53	53	53	53
Thế giới	22	20	20	19
Việt Nam	23	22	21	21
Chủ đề chung		3	4	5
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8

**Đối với cấp THPT*

Trong Chương trình GDPT môn Lịch sử cấp THPT (phần bắt buộc) có quy định thời lượng dành cho nội dung cốt lõi đối với mỗi lớp học là 52 tiết/năm học, dạy học trong 35 tuần. Dự kiến tỉ lệ % thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
– Lịch sử và Sử học	10%		
– Vai trò của Sử học			
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
– Một số nền văn minh thế giới thời cổ – trung đại	8%		
– Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	11%		
– Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		12%	
– Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay		10%	
– Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh			12%
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á			
– Văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại	6%		

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
– Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á		8%	
– ASEAN: Những chặng đường lịch sử			8%
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
– Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	24%		
– Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	11%		
– Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)		17%	
– Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)		11%	
– Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông		12%	
– Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng Tám năm 1945 đến nay)			16%
– Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay			12%
– Lịch sử đối ngoại Việt Nam thời cận – hiện đại			10%
– Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam			12%
ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ	10%	10%	10%
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	20%	20%	20%

Đối với chương trình môn Lịch sử lớp 10 (phần bắt buộc) quy định tỉ lệ thời lượng cho ba mạch nội dung chính là: “Chủ đề định hướng nghề nghiệp” (10%), “Lịch sử thế giới” (19%), “Lịch sử Đông Nam Á” (6%), “Lịch sử Việt Nam” (35%) và “Thực hành lịch sử” (20%), KTĐG định kì là 10%. Căn cứ vào tổng thời lượng dành cho môn Lịch sử cấp THPT là 52 tiết/ năm được quy định trong chương trình, có thể tính được số tiết tương ứng cho các mạch nội dung này và số tiết dành cho KTĐG định kì tương xứng với tỉ lệ. Khi xây dựng phân phối chương trình trong kế giáo dục nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào đối tượng, trình độ nhận thức học sinh,

điều kiện cụ thể của nhà trường có thể linh hoạt xác định thời lượng cho phù hợp, bảo đảm tính khả thi, tính hiệu quả khi thực hiện chương trình môn Lịch sử.

(2) Xây dựng kế hoạch dạy học các chuyên đề lựa chọn

Ở mỗi lớp từ lớp 10 đến lớp 12, chương trình môn Lịch sử đều có các chuyên đề lựa chọn được quy định với thời lượng (số tiết) và các YCCĐ được xác định. Vì thế, để xây dựng KHDH các chuyên đề theo cấu trúc gợi ý, TCM chỉ cần dựa vào Chương trình môn Lịch sử để liệt kê các chuyên đề theo thứ tự thực hiện, số tiết phân bổ cho các chuyên đề học tập và các YCCĐ tương ứng của từng chuyên đề trong mẫu gợi ý. Đối với chuyên đề lựa chọn có nhiều nội dung nhỏ có thể cấu thành các bài học riêng, GV phân tích và xác định các bài học, thời lượng dạy học của các bài học tương tự như cách làm phân phối chương trình các bài học đã hướng dẫn ở trên.

Trong xây dựng KHDH các chuyên đề lựa chọn cần chú ý thời gian dạy học chuyên đề phù hợp với phân phối chương trình các bài học. Vì chuyên đề có tính chất nâng cao và định hướng nghề nghiệp nên việc sắp xếp dạy học các chuyên đề nên để sau khi HS học xong mạch kiến thức hỗ trợ cho chuyên đề đó. Việc lên kế hoạch cũng cần có sự liên kết chặt chẽ với các TCM khác để tránh sự chồng chéo.

(3) Xây dựng kế hoạch các bài kiểm tra, đánh giá định kì

TCM căn cứ trên cơ sở số tiết dành cho đánh giá định kì được quy định trong Chương trình môn Lịch sử và nghiên cứu các quy định về KT, ĐG hiện hành để xác định các bài KT, ĐG với nội dung cụ thể bao gồm:

- Thời gian làm bài cụ thể cho từng bài (số phút: 45 phút), thời điểm (tuần, tháng, năm thực hiện bài KT, ĐG). Thời điểm đánh giá cần dựa trên kế hoạch chung của nhà trường để có sự thống nhất và phù hợp giữa các môn học và hoạt động giáo dục.
- YCCĐ (mức độ cần đạt đến thời điểm KT, ĐG theo phân phối chương trình và hình thức bài KT, ĐG). TCM có thể ghi các YCCĐ cụ thể được xác định, hoặc ghi theo kiểu giới hạn từ bài nào đến bài nào nếu muốn đánh giá bao trọn hết các YCCĐ trong khoảng các bài đó. Việc xác định các YCCĐ về đánh giá có thể còn phụ thuộc vào các quy định về đánh giá, vì thế TCM cần nghiên cứu, cập nhật các văn bản liên quan để có cách xác định phù hợp.

Đối với kế hoạch đánh giá định kì, cần lưu ý một số điểm mới như hình thức đánh giá ngoài bài kiểm tra truyền thống có thể thực hiện bài kiểm tra trên giấy hoặc máy

tính; có thể đánh giá thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đối với hình thức đánh giá này, thời gian làm bài có thể kéo dài theo đơn vị tuần, cần xây dựng các tiêu chí đánh giá cần được công bố cho HS trước khi bắt đầu thực hiện bài thực hành, dự án học tập.

(4) Xây dựng kế hoạch cho các nội dung khác (nếu có)

Trước khi bắt đầu năm học, TCM tiến hành sinh hoạt chuyên môn để xác định một số hoạt động giáo dục liên quan đến môn học có thể tổ chức cho HS các khối lớp trong năm học đó. Chẳng hạn như các hoạt động tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ hoặc các hoạt động phục vụ cộng đồng... Nếu có sự đồng ý và phân công của Hiệu trưởng trong cuộc họp với các bên liên quan tổ chức vào đầu năm học thì TCM sau đó sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các hoạt động này.

(5) Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục

Đối với mỗi hoạt động giáo dục sẽ tổ chức, TCM cần xác định YCCĐ của các chủ đề của hoạt động tức là mức độ cần đạt của hoạt động giáo dục đối với HS tham gia và số tiết tương ứng. Đối với hoạt động giáo dục, các mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất luôn được nhấn mạnh bên cạnh mục tiêu về năng lực.

TCM cần xác định hoạt động đó sẽ được tổ chức vào thời điểm nào và ở đâu? Việc xác định thời điểm có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố vì liên quan đến các hoạt động khác của nhà trường và TCM, lưu ý đến sự liên quan của các hoạt động này với các nội dung dạy học để chọn thời điểm tổ chức phù hợp, logic theo hướng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Địa điểm để tổ chức hoạt động giáo dục của TCM có thể ở trong hoặc ngoài khuôn viên nhà trường như phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...

Ngoài ra, TCM cần xác định đơn vị, cá nhân nào sẽ chủ trì và phối hợp để tổ chức hoạt động, các yêu cầu về điều kiện thực hiện (cơ sở vật chất, thiết bị học liệu... để đảm bảo hoạt động được thực hiện hiệu quả.

c. Bước 3: Rà soát hoàn thiện dự thảo và thông qua TCM

Sau khi xây dựng xong kế hoạch, TCM cần tiến hành rà soát lại các nhiệm vụ để có bản dự thảo hoàn thiện. Cần chú trọng đến sự phù hợp của phân phối chương trình, các chuyên đề lựa chọn, các bài KT, ĐG định kì và tính khả thi của các hoạt động đề xuất. Các kế hoạch này sau đó cần được hoàn thiện theo cấu trúc hướng dẫn ở phụ lục 1 và phụ lục 2 của công văn 5512/BGDĐT– GDTrH. Đồng thời, cần tiến hành lấy ý kiến và thông qua TCM để đạt được sự thống nhất.

d. Bước 4: Phê duyệt, tổ chức thực hiện KHGD của TCM

Bản dự thảo hoàn thiện KHGD của TCM sau khi thông qua TCM được trình Hiệu trưởng nhà trường xem xét phê duyệt và công bố như một phần của KHGD của nhà trường trong năm học. Đây là căn cứ để TCM triển khai thực hiện kế hoạch này trong năm học. Nhiệm vụ quan trọng sau khi kế hoạch của tổ được phê duyệt là tổ trưởng chuyên môn tiến hành phân công nhiệm vụ cho các GV của TCM. Việc phân công GV cần căn cứ vào tổng thời lượng (số tiết) dạy học chủ đề môn học của các khối lớp và các nhiệm vụ khác được phân công như dạy học các chuyên đề lựa chọn, các chủ đề nội dung giáo dục địa phương, HĐTN, hướng nghiệp. Trên cơ sở đó, dựa trên số lượng GV của TCM và cân nhắc đến các yếu tố liên quan của mỗi cá nhân GV trong tổ (ví dụ chủ nhiệm hay không chủ nhiệm) để phân công các nhiệm vụ cho mỗi GV, bảo đảm số tiết/tuần của tất cả GV phù hợp định mức giờ dạy theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở nhiệm vụ được tổ trưởng phân công, mỗi GV bộ môn sẽ tiến hành xây dựng KHGD của cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ đó trong năm học.

2. Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Lịch sử (giáo án)

2.1. Quan niệm và vai trò của việc xây dựng kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy (KHBD)/giáo án là kịch bản lên lớp của GV với đối tượng HS và nội dung cụ thể trong một không gian và thời gian nhất định, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, thiết bị dạy học và học liệu, những hoạt động cụ thể của thầy và trò, cách thức KT,ĐG phù hợp với YCCĐ về năng lực, phẩm chất tương ứng trong chương trình môn học. KHBD được GV xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị lên lớp và quyết định rất lớn đến sự thành công của bài học.

KHBD là bản thiết kế cho tiến trình một bài học hoặc một chủ đề dạy học, là bản kế hoạch mà GV dự định sẽ thực hiện giảng dạy trên lớp đối với nhóm đối tượng HS nào đó. Với một bài học nào đó, với những đối tượng HS khác nhau, và với những GV khác nhau thì sẽ có những bản KHBD khác nhau. Vì thế, KHBD là sản phẩm cá nhân, thể hiện trong ý tưởng dạy học, trong cách trình bày kế hoạch của họ. Không có một KHBD duy nhất, cũng như không có một khuôn mẫu duy nhất trong cách trình bày KHBD một bài học. Việc xây dựng KHBD có vai trò sau đây:

– Giúp thiết lập môi trường dạy học phù hợp: Trong một KHBD, mục tiêu dạy học là cố định và các chiến lược giảng dạy, phương pháp, kỹ thuật dạy học và các phương tiện hỗ trợ... được quyết định trước. Khi môi trường giảng dạy với các yếu tố liên quan được thiết lập một cách thích hợp, nhiệm vụ giảng dạy sau đó sẽ diễn ra theo cách đã được lên kế hoạch từ trước. Điều này là một sự đảm bảo cho các mục tiêu dạy học và giáo dục đã đề ra được thực hiện có hiệu quả.

2.2. Yêu cầu đối với việc xây dựng kế hoạch bài dạy

KHBD theo đó là bản thiết kế để sử dụng như một hướng dẫn không phải là một công thức cố định để tuân thủ.

KHBD cần được thiết kế, tổ chức theo chuỗi các hoạt động: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng. Chuỗi hoạt động này cần phù hợp với các mục tiêu và nội dung của bài dạy được xác định. Bên cạnh đó, đối với mỗi hoạt động dạy học được thiết kế, GV cần xác định thiết bị dạy học và học liệu, phương án đánh giá một cách phù hợp với mục tiêu, nội dung hoạt động. Để thực hiện yêu cầu này, GV có thể tham khảo và bám sát các tiêu chí phân tích KHBD theo công văn 5555/BGDĐT–GDTrH.

– Phải lựa chọn được các phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, điều này cũng giúp đảm bảo logic của các hoạt động từ chuyển giao nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ, trình bày sản phẩm và cuối cùng là đánh giá được thực hiện.

– Đảm bảo sự tham gia tích cực của HS: Nguyên tắc này yêu cầu quá trình xây dựng KHBD GV phải chú trọng vào hoạt động học của HS. GV cần thiết kế các hoạt động học tập theo hướng sử dụng các PPDH tích cực, chú trọng sự hợp tác cá nhân, nhóm, sự tương tác đa chiều. Đồng thời, đưa ra các nhiệm vụ cho HS thực hiện, thay vì tập trung vào các hoạt động của bản thân trên lớp thì phải chú trọng đến hoạt động của HS.

– Sử dụng đa dạng trong hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học và KTĐG trong xây dựng KHBD. Không cần thiết phải sử dụng quá nhiều PPDH trong một bài học, nhưng cũng không nên chỉ một phương pháp cho nhiều hoạt động, đặc biệt là không sử dụng phương pháp dạy học thụ động, truyền thụ một chiều kiến thức cho học sinh.

2.3. Cấu trúc kế hoạch bài dạy

Có nhiều cách khác nhau để trình bày một KHBD, với điều kiện là KHBD cần thể hiện được các yếu tố cơ bản liên quan đến QTDH sẽ diễn ra như đã trình bày trong quan niệm về KHBD. Để trình bày KHBD của mình, GV có thể tham khảo cấu trúc dưới đây, theo gợi ý của công văn 5512/BGDĐT–GDTrH.

Bảng 2.3. Khung gợi ý trình bày kế hoạch bài dạy

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	
Trường:	Họ và tên GV:
Tổ:
TÊN BÀI DẠY:	
Môn học:; lớp:.....	
Thời gian thực hiện: (số tiết)	
I. Mục tiêu	
1. Kiến thức (Yêu cầu cần đạt của CT)	
2. Năng lực	
3. Phẩm chất	
II. Thiết bị dạy học và học liệu	
III. Tiến trình dạy học	
1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu	
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ	
3. Hoạt động 3: Luyện tập	
4. Hoạt động 4: Vận dụng	
IV. Phụ lục (nếu có)	
Thông tin về nội dung dạy học chủ đề	
Phiếu học tập	
Công cụ đánh giá	

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô

tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyên giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.

d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.

c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

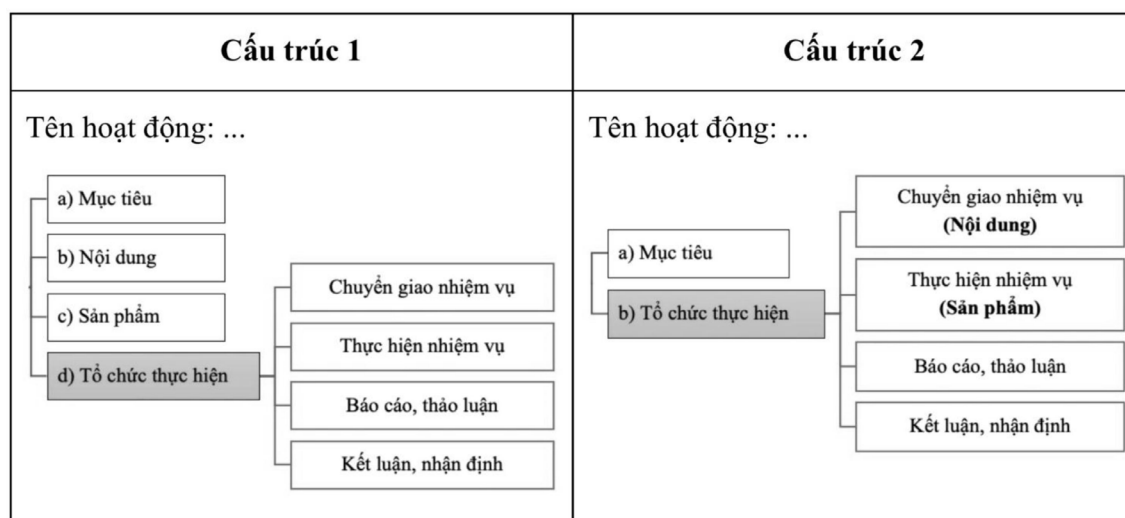
b) Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

c) Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

d) Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.

* Lưu ý:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.



2. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể “ý đồ” lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

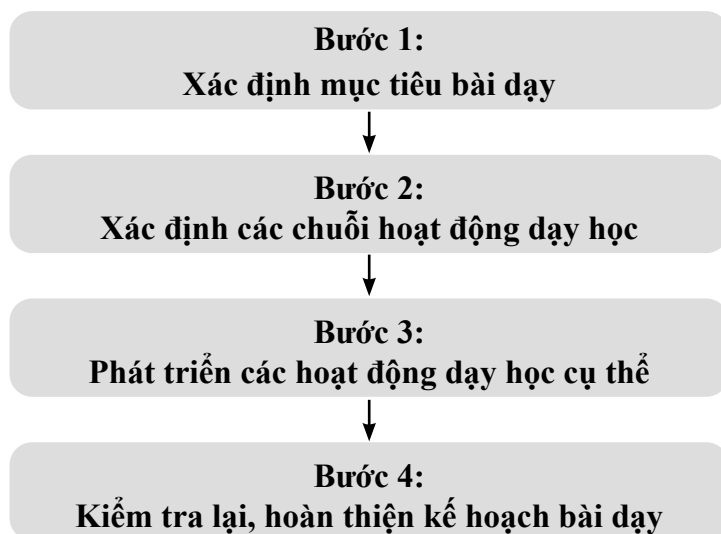
Kết luận, nhận định (giáo viên “chốt”): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn

thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo.

2.4. Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy

Trên cơ sở kế hoạch của TCM và sự phân công của tổ, GV tiến hành xây dựng KHGD của cá nhân. Kế hoạch cá nhân là cơ sở quan trọng để GV tiến hành xây dựng KHBD. Dựa trên thời điểm (tuần giảng dạy) trong kế hoạch cá nhân và thời khóa biểu, GV cần tiến hành xây dựng và hoàn thiện KHBD trước khi lên lớp. Trong kế hoạch cá nhân, các thông tin cơ bản như tên bài dạy, số tiết, thiết bị dạy học, địa điểm dạy học đã được xác định. Những thông tin này, kết hợp với những hình dung về đối tượng giảng dạy (số lượng, đặc điểm học tập...) sẽ giúp GV xác định rõ bối cảnh giảng dạy cụ thể. Những điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thiết kế KHBD của GV. Chẳng hạn, khi dạy lớp có quy mô HS nhiều hơn việc thiết kế các hoạt động có thể khác so với dạy học cho lớp có số lượng HS ít hơn; độ khó, mức độ phức tạp của hoạt động thiết kế cho một lớp HS có năng lực học tập tốt có thể khác so với cho một lớp có năng lực học tập hạn chế hơn; dạy học ở một phòng học có điều kiện thiết bị dạy học và học liệu tốt thì phương án thiết kế của GV cũng có thể khác so với một phòng học không đáp ứng được các điều kiện đó...

Sau khi xác định bài dạy và bối cảnh giảng dạy, GV tiến hành xây dựng KHBD. Tùy vào năng lực bản thân, đặc điểm bài học và các yếu tố khác, mỗi GV có cách thực hiện khác nhau, bao gồm nhiều công đoạn, thao tác. Quy trình dưới đây như một hướng dẫn có tính chất gợi ý để GV xây dựng KHBD:



Gợi ý xác định mục tiêu bài dạy

Cơ sở xác định mục tiêu: Mục tiêu của bài dạy là mô tả những gì HS dự kiến sẽ đạt được (ki vọng) sau khi học xong bài học. GV dựa vào các căn cứ chính sau đây để xác định mục tiêu bài dạy:

YCCĐ tương ứng của bài học quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch sử cấp THPT; hoặc từ kết quả xây dựng KHGD của TCM.

Căn cứ vào đặc điểm của HS: Tùy vào mức độ năng lực của HS mà GV có thể nâng bậc nhận thức của mục tiêu lên những mức độ cao hơn.

Cách thực hiện: Đối với Chương trình phần Lịch sử theo, KHBD được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, cho nên GV cần xác định mục tiêu dưới dạng các năng lực và phẩm chất dựa trên các YCCĐ.

– ***Đối với YCCĐ***: GV xác định bằng cách mô tả cụ thể YCCĐ của Chương trình. Đây là các YCCĐ tối thiểu được quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch sử, đã được cụ thể hóa và phát triển trong KHGD của TCM. Khi xây dựng KHBD cho một lớp cụ thể, GV sử dụng các YCCĐ này và có thể cụ thể hóa hoặc phát triển (nâng mức độ yêu cầu đối với YCCĐ, nhưng phải phù hợp với đối tượng HS, đồng thời bảo đảm được việc dạy học phân hoá HS) phải đảm bảo được các YCCĐ tối thiểu theo quy định trong chương trình. GV cần lưu ý các mục tiêu được phát triển và cụ thể hóa phải phù hợp và có sự liên kết với YCCĐ của bài học được quy định trong Chương trình môn Lịch sử, tức là hướng đến mục tiêu cao nhất là đảm bảo YCCĐ.

– ***Đối với mục tiêu năng lực***: Cần nêu cụ thể yêu cầu HS làm được gì, đây chính là biểu hiện cụ thể của năng lực đặc thù môn Lịch sử và năng lực chung cần phát triển cho HS trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo YCCĐ của chương trình. Dựa trên các YCCĐ của bài học, GV phân tích nội dung kiến thức và phương pháp, cách thức tổ chức dạy học sẽ thực hiện để phát triển và cụ thể hóa thành các mục tiêu phù hợp. Để xác định mục tiêu năng lực, GV cần nghiên cứu Chương trình môn Lịch sử để có những hiểu biết rõ ràng về các biểu hiện của năng lực chung, nhất là năng lực đặc thù môn Lịch sử.

– ***Đối với mục tiêu phẩm chất***: GV căn cứ vào YCCĐ trong Chương trình môn Lịch sử (động từ thể hiện mức độ và nội dung), đối chiếu với biểu hiện của các phẩm chất trong Chương trình GDPT và phương pháp, cách thức tổ chức dạy học để nêu cụ thể biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy. Vì thế, GV cần nghiên cứu Chương trình GDPT Tổng thể, Chương trình môn Lịch sử để có những hiểu biết rõ ràng về các phẩm chất và những biểu hiện của các phẩm chất chủ yếu.

II. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

1. Nội dung, yêu cầu cần đạt gắn với các ngữ liệu của SGK liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính của các nội dung, sự kiện, nhân vật lịch sử

Cần xem xét cập nhật, chỉnh sửa hoặc thay thế địa giới hành chính của các nội dung, sự kiện, nhân vật lịch sử trong các bộ SGK trên nguyên tắc tôn trọng tính lịch sử của các địa danh nhưng đồng thời bảo đảm hướng dẫn cho học sinh có hiểu biết chính xác về các địa danh đó.

Chẳng hạn, dưới đây là ngữ liệu trong SGK đã viết:

năm 1973, quân dân miền Nam tiến hành các cuộc đấu tranh chống “bình định – lấn chiếm”, đồng thời chủ động mở một số cuộc tiến công để mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở đợt hoạt động quân sự ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi quan trọng ở Đường 14 – Phước Long (6-1-1975).


Chiến thắng Đường 14 – Phước Long thể hiện sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của Quân Giải phóng, đồng thời cho thấy sự suy yếu, bất lực của quân đội Sài Gòn và khả năng can thiệp trở lại của Mỹ là rất hạn chế. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bổ sung, hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976, đồng thời chỉ rõ: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra trong gần hai tháng, trải qua ba chiến dịch lớn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh (26-4 – 30-4-1975)	Quân Giải phóng tấn công, giải phóng Sài Gòn – Gia Định. Trưa ngày 30-4-1975, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (21-3 – 29-3-1975)	Quân Giải phóng tấn công, giải phóng thành phố Huế, toàn tỉnh Thừa Thiên và Đà Nẵng, mở ra khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.
Chiến dịch Tây Nguyên (4-3 – 24-3-1975)	Quân Giải phóng giành thắng lợi trong trận then chốt Buôn Ma Thuật, khiến hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển rồi sụp đổ. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Hình 8. Sơ đồ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Sau khi giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại ở miền Nam đã đồng loạt tiến công và nổi dậy. Đến ngày 2-5-1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng.



Hình 9. Xe tăng Quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30-4-1975

? – Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1973 – 1975.
– Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 tác động như thế nào đến lịch sử Việt Nam?

Trích ngữ liệu bài 8. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, SGK Lịch sử 12, bộ sách Cánh diều

đã từ chối tổng tuyển cử, phá bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ, thi hành chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”, tăng cường khủng bố, đàn áp nhân dân miền Nam; thực hiện “Luật 10/59” lê máy chém khắp miền Nam, giết hại nhiều người vô tội.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ – Diệm, phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân. Dưới ánh sáng nghị quyết của Đảng, phong trào nổi dậy của quần chúng bùng nổ.

Từ những cuộc nổi dậy lẻ tẻ ở các địa phương như: Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) (2 – 1959), Trà Bồng (Quảng Ngãi) (8 – 1959), phong trào quần chúng đã lan rộng khắp miền Nam, trở thành cao trào cách mạng, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre.

Em có biết?

Đội quân tóc dài Bến Tre dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thị Định đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của phong trào Đồng khởi. Một trong những bài hát tái hiện hình ảnh của những người phụ nữ kiên cường đó là bài “Dáng đứng Bến Tre” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý.



Hình 16.5. Nhân dân Bến Tre đồng khởi (1 – 1960) ▶

Ngày 17 – 1 – 1960, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bến Tre, nhân dân ba xã ở huyện Mỏ Cày đồng loạt nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch. Cuộc nổi dậy lan ra toàn huyện Mỏ Cày và tỉnh Bến Tre. Kết quả là từng mảng lớn bộ máy cai trị của chính quyền địch ở thôn, xã bị phá vỡ, các uỷ ban nhân dân tự quản được thành lập, ruộng đất của địa chủ, cường hào bị tịch thu và chia cho dân cày nghèo. Từ Bến Tre, phong trào Đồng khởi lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

Phong trào Đồng khởi đã giáng đòn mạnh mẽ vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm. Thắng lợi của phong trào đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Trong khí thế đó, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 – 12 – 1960).

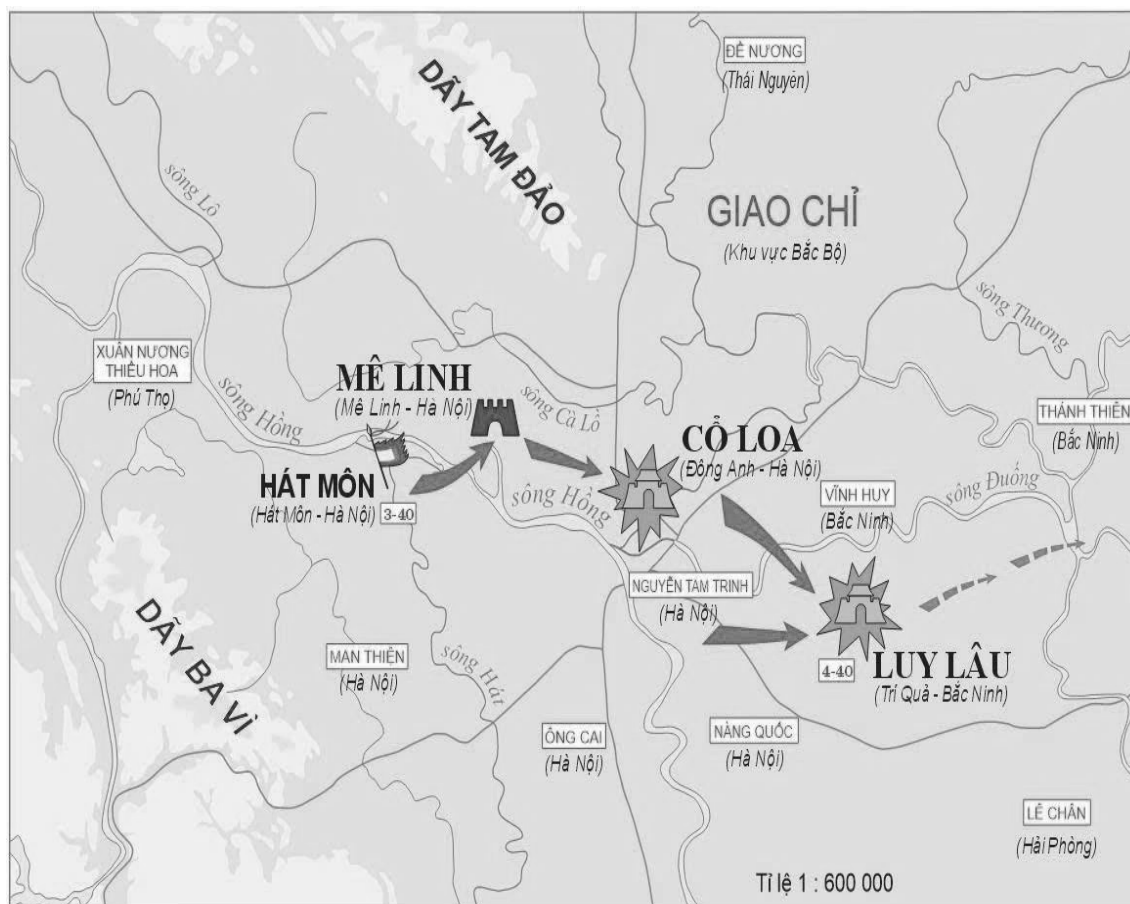
- ❓ 1. Phong trào Đồng khởi nổ ra trong hoàn cảnh lịch sử nào? Nêu diễn biến, kết quả của phong trào.
2. Vì sao nói phong trào Đồng khởi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

b) Chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 – 1965)

“Chiến tranh đặc biệt” là một chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội tay sai do cố vấn Mỹ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ nhằm thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”.

Trích ngữ liệu bài 16. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954-1965, SGK lịch sử và Địa lí 9, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

Với ví dụ trên, nhiều địa danh đã thay đổi, nhiều địa danh huyện, tỉnh không còn, do đó cần điều cập nhật điều chỉnh sao cho phù hợp, bảo đảm tính lịch sử, tôn trọng tính sử trong các địa danh. Đồng thời có những hướng dẫn để học sinh có hiểu biết về các địa danh đó, bảo đảm sự kết nối giữa quá khứ với hiện tại lịch sử.



3. Các câu hỏi thể hiện nội dung yêu cầu cần đạt của chương trình liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính cụ thể trong SGK

Cần chỉnh sửa hoặc thay thế các câu hỏi ở các hoạt động trong SGK (Kế hoạch bài dạy) khi địa danh thay đổi nhưng vẫn bảo đảm thể hiện được nội dung, mức độ cần đạt của Chương trình chỉnh sửa. Chẳng hạn, khi đặt câu hỏi có liên quan đến các địa danh về các huyện (nay không còn nữa), hay các tỉnh (đã sát nhập) cần cân nhắc đến tên các địa danh đã có tình lịch sử với tên các địa danh mới sao cho học sinh có thể hiểu được yêu cầu của câu hỏi.

Hay khi đặt câu hỏi dựa vào nguồn tư liệu, ngữ liệu mà có sự thay đổi về địa giới hành chính cũng cần chỉnh sửa lại sao cho phù hợp với sự thay đổi về địa giới hành chính.

Ví dụ, khi dựa vào tư liệu trong bài 5: Cuộc xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn trong SGK lớp 8 - bộ Kết nối tri thức và cuộc sống để trả lời câu hỏi 1 ở hoạt động Luyện tập - Vận dụng. Câu hỏi: Lập và hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý)...

Em có biết?

Luỹ Thủy (hay luỹ Đào Duy Từ – gọi theo tên của nhà quân sự đã chỉ huy xây dựng) là thành lũy được xây dựng kiên cố giúp chúa Nguyễn chống lại các cuộc tấn công của chúa Trịnh. Hiện nay, dưới chân lũy sát cửa sông Nhật Lệ (thuộc tỉnh Quảng Bình) còn một tấm bia khắc dòng chữ: “Nơi đây đã từng diễn ra các cuộc giao tranh quyết liệt giữa hai thế lực phong kiến Trịnh – Nguyễn trong gần 50 năm của cuộc nội chiến”.

b) Hệ quả

Trong gần nửa thế kỉ (1627 – 1672), hai thế lực Trịnh và Nguyễn trải qua bảy lần giao chiến, cuốn cả nước vào vòng binh đao khói lửa. Toàn bộ vùng đất Quảng Bình, Hà Tĩnh ngày nay trở thành chiến trường ác liệt.

Cuối cùng, hai bên lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm ranh giới, chia cắt đất nước thành Đàng Ngoài (từ sông Gianh trở ra Bắc) và Đàng Trong (từ sông Gianh trở vào Nam). Luỹ Thủy ở phía nam như một bức tường thành vững chắc ngăn đôi đất nước.

*Khôn ngoan qua được Thanh Hà,
Dẫu rằng có cánh khó qua Luỹ Thủy*

(Ca dao)

Ở Đàng Ngoài, Trịnh Tùng xây dựng vương phủ bên cạnh triều đình vua Lê. Tuy nắm toàn quyền thống trị, nhưng họ Trịnh vẫn phải dựa vào danh nghĩa vua Lê, nên hình thành cục diện “vua Lê – chúa Trịnh”. Ở Đàng Trong, con cháu họ Nguyễn cũng nối nhau cầm quyền, gọi là “chúa Nguyễn”.

Cuộc xung đột kéo dài giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn kéo dài làm suy kiệt sức người, sức của; tàn phá đồng ruộng, xóm làng; giết hại nhiều người dân vô tội; chia cắt đất nước và làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của quốc gia – dân tộc.

1. Khai thác tư liệu 2 và thông tin trong mục, hãy giải thích nguyên nhân dẫn đến cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn.
2. Hãy nêu hệ quả của cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn.

Luyện tập – Vận dụng



Hãy lập và hoàn thành bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây) về các cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn.

Nội dung	Xung đột Nam – Bắc triều	Xung đột Trịnh – Nguyễn
Người đứng đầu		
Nguyên nhân		
Thời gian		
Hệ quả		



1. Giả sử là một người dân sống ở thế kỉ XVI – XVII, em hãy đưa ra ít nhất một lí do phản đối các cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn.
2. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet về di tích Luỹ Thủy và sông Gianh (Quảng Bình), hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 10 dòng) về cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn.

- Trong ngữ liệu nhiều địa danh đã thay đổi
- Phần nội dung của câu hỏi: Hệ quả, khi trả lời nội dung câu hỏi về hệ quả nhiều địa danh liên quan cũng đã thay đổi.

Do đó cần cân nhắc cập nhật, bổ sung hoặc chỉnh sửa cả ngữ liệu và câu hỏi sao cho phù hợp.

Hay câu hỏi 2. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet về di tích Lũy Thầy và sông Gianh (Quảng Bình)...

4. Các mức độ (các động từ) cần đạt của chương trình không đúng với quá trình nhận thức của học sinh

Khi tổ chức dạy học cần lưu ý đến sự điều chỉnh mức độ cần đạt của Chương trình chỉnh sửa, cần cập nhật, chỉnh sửa hoặc thay thế các câu hỏi của các hoạt động trong SGK để bảo đảm đúng các mức độ trong yêu cầu cần đạt của Chương trình chỉnh sửa; chú ý đến các động từ mô tả các mức độ và nội hàm của các câu hỏi làm sao thể hiện được mức độ cần đạt của Chương trình.

Ví dụ, có sự sửa đổi, bổ sung về **mức độ (các động từ)** một số yêu cầu cần đạt trong Chương trình phân môn Lịch sử THCS. Cụ thể như sau:

Lớp 6:

- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc tại dòng 2 từ trên xuống, trang 19 thành: Trình bày được sự thành lập và tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...) tại dòng 8, 9, 10, 11, 12 từ trên xuống, trang 19 thành: Nêu được nguyên nhân, nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa tại dòng 6 từ trên xuống, trang 20 thành: Nêu được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Champa.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam tại dòng 11 từ trên xuống, trang 20 thành: Trình bày được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Phù Nam.

Lớp 7

4. Tại nội dung Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX, sửa đổi yêu cầu cần đạt Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ

XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh) tại dòng 7, 8 từ dưới lên, trang 25 thành: Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX (các thời Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).

5. Tại nội dung Vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, sửa đổi yêu cầu cần đạt Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI tại dòng 9, 10 từ trên xuống, trang 29 thành: Nêu được những nét cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Lớp 9

Tại chương Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, sửa đổi yêu cầu cần đạt Nhận biết được những biện pháp chủ yếu... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại dòng thứ 10, 11, 12, 13 từ trên xuống, trang 48 thành: Nêu được những biện pháp chủ yếu... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp tại dòng 3, 4 từ dưới lên, trang 48 thành: Trình bày được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự (Hoàn cảnh lịch sử, nét chính diễn biến của Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ), kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...) tại dòng 6, 7, 8, 9, 10, 11 từ trên xuống, trang 49 thành: Trình bày được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; chiến đấu chống các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975).

Lớp 10 -THPT

- Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc tại dòng thứ 2, từ dưới lên, trang 15 thành: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc
- Bổ sung yêu cầu cần đạt: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Champa sau dòng thứ 3, từ trên xuống, trang 16.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa tại dòng thứ 4, từ trên xuống, trang 16 thành: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Champa.
- Bổ sung yêu cầu cần đạt: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Phù Nam sau dòng thứ 7, từ trên xuống, trang 16.
- Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam tại dòng thứ 8, từ trên xuống, trang 16 thành: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam.

Với sửa đổi, bổ sung đó cần chỉnh sửa, cần cập nhật, chỉnh sửa hoặc thay thế các câu hỏi của các hoạt động trong SGK để bảo đảm đúng các mức độ trong yêu cầu cần đạt của Chương trình chỉnh sửa như:

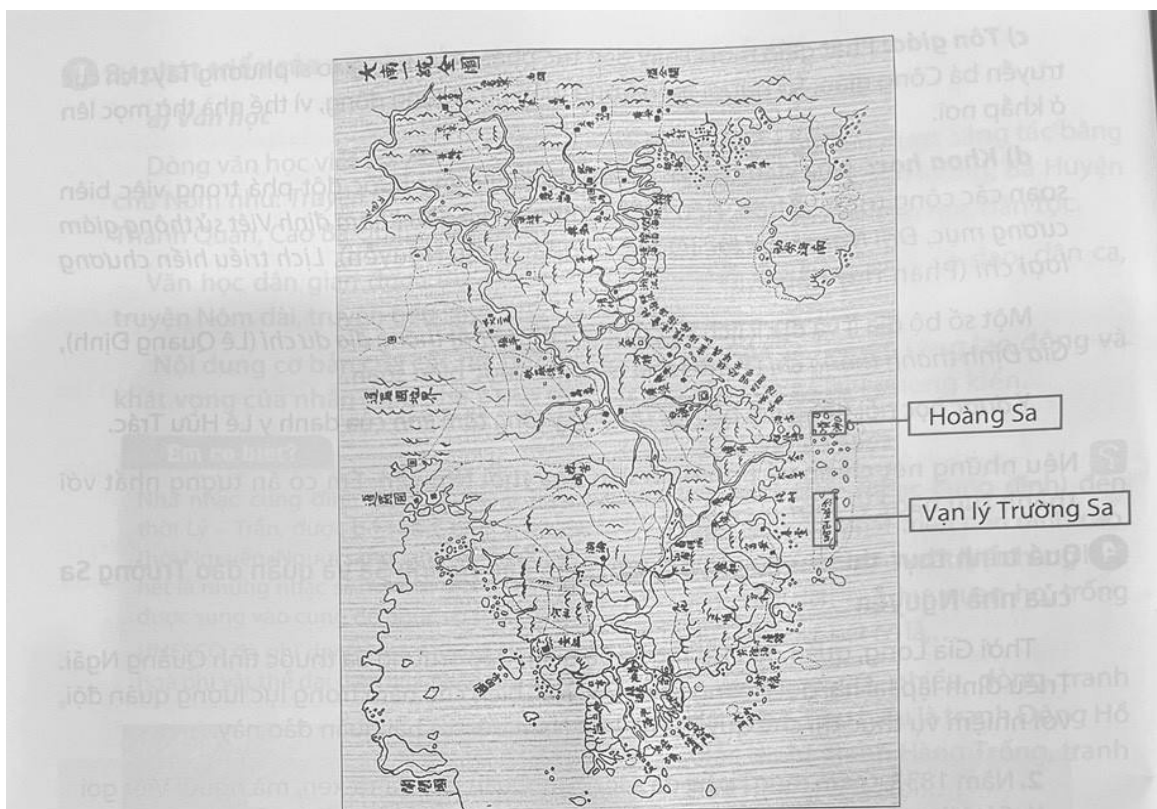
Câu hỏi từ mô tả, chỉnh sửa thành nêu....

Ví dụ:

Câu hỏi: Mô tả những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939 thành: Trình bày nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.

Câu hỏi: Nêu cơ sở hình thành văn minh Champa thành: Hãy phân tích cơ sở hình thành văn minh Champa v.v...

Ví dụ trong SGK Lịch sử và Địa lí 8, bộ Cánh diều. Ở câu hỏi 2: Hãy mô tả quá trình thực thi chủ quyền biển với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn, gợi ý có thể sửa thành Trình bày quá trình thực thi chủ quyền biển với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn.



Hình 16.7. Bản đồ Đại Nam nhất thống toàn đồ

1. Khai thác tư liệu 2, 3, hãy nêu những đóng góp của vua Gia Long và vua Minh Mạng trong công cuộc thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
2. Hãy mô tả quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn.

Luyện tập – Vận dụng



1. Lập và hoàn thành bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây) về một số thành tựu tiêu biểu dưới thời Nguyễn.

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu

2. Có quan điểm cho rằng: Nhà Nguyễn đã để lại di sản văn hoá đồ sộ. Em đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?
3. Nêu cảm nghĩ của em về quá trình thực thi chủ quyền của nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.



Lựa chọn một thành tựu tiêu biểu dưới thời Nguyễn, sưu tầm thêm tư liệu và xây dựng bài giới thiệu ngắn gọn về thành tựu đó theo ý tưởng của em.

e) Bổ sung những nội dung và yêu cầu cần đạt liên quan đến Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Việc bổ sung nội dung và yêu cầu cần đạt liên quan đến Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025 cần viết nội dung gợi ý như dàn ý chi tiết trong SGK. Cụ thể như sau:

- Bảo đảm được đầy đủ nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình.
- Chú ý tính đến tính vừa sức của đối tượng học sinh về cả yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi.
- Bổ sung thêm tư liệu lịch sử gắn với nội dung và yêu cầu cần đạt.
- Bổ sung thêm tranh ảnh, lược đồ, sơ đồ lịch sử (nếu có) gắn với nội dung và yêu cầu cần đạt.

g) Chỉnh sửa những bất cập trong chương trình về nội dung và yêu cầu cần đạt. Ví dụ như ở chương trình Lịch sử lớp 6, 7, 9...

- Cần thay thế, điều chỉnh nội dung, sự kiện lịch sử bảo đảm tính chính xác theo nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình chỉnh sửa.
- Việc thay thế, điều chỉnh nội dung, sự kiện lịch sử chú ý đến sự phù hợp với nhận thức của đối tượng học sinh cấp học.
- Không mở rộng, làm quá tải vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình chỉnh sửa.

Ví dụ:

Trong Chương trình sửa đổi, bổ sung có chỉnh sửa những bất cập trong Chương trình 2018 (lớp 9) môn Lịch sử và Địa lí như sau:

- Chuyển và ghép yêu cầu cần đạt của nội dung Việt Nam trong những năm 1976 - 1991 tại dòng 6, 7, 8, 9, 10, 11 từ dưới lên, trang 49 với yêu cầu cần đạt của nội dung Việt Nam từ năm 1991 tại dòng 6, 7, 8 từ dưới lên, trang 50 thành Việt Nam từ năm 1976 đến nay với các yêu cầu cần đạt như sau:
 - + Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1989, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo sau năm 1975.

- + Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.
- + Nêu được nguyên nhân, nội dung đường lối của Đảng và những thành tựu tiêu biểu của công cuộc Đổi mới đất nước từ 1986 đến nay (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...).
- + Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.

Do đó, trong khi xây dựng Kế hoạch bài dạy (Giáo án), cũng như xây dựng hệ thống câu hỏi cho đề kiểm tra thường xuyên và định kì nhất thiết phải thay thế, điều chỉnh nội dung, sự kiện lịch sử, phân kì các giai đoạn lịch sử bảo đảm tính chính xác theo nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình chỉnh sửa..

III. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Hướng dẫn chung

- Việc kiểm tra đánh giá môn Lịch sử và Địa lí (Cấp Tiểu học, THCS) Chương trình 2018, môn Lịch sử Chương trình 2022 (đối với THPT) và Chương trình sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT được thực hiện theo Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT, Công văn số 7791/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 (Về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS và THPT) của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các định hướng trong các đợt triển khai tập huấn của Bộ về kiểm tra đánh giá.
- Riêng đối với Chương trình sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT việc kiểm tra, đánh giá cần đánh giá được những nội dung, yêu cầu cần đạt theo Chương trình sửa đổi, bổ sung.
- Khi ra các câu hỏi, bài tập thực hiện trong tổ chức dạy học hoặc kiểm tra đánh giá cần đối chiếu với nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT.
- Việc ra các câu hỏi, bài tập cần bảo đảm đầy đủ các nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình sửa đổi, bổ sung, chú ý đến mối quan hệ với Chương trình Chương trình 2018 (đối với TH, THCS), Chương trình 2022 (THPT).
- Câu hỏi, bài tập bảo đảm nội dung và mức độ cần đạt của Chương trình sửa đổi, bổ sung phù hợp với đối tượng học sinh, nhưng cũng chú ý đến việc sự phân hóa các đối tượng học sinh khác nhau (các hỏi ở mức độ dễ, trung bình, khó) cần theo các mức độ đánh giá: nhận biết, thông hiểu, vận dụng

- Đa dạng các hình thức câu hỏi: Câu hỏi trắc nghiệm (câu hỏi nhiều lựa chọn, câu hỏi đúng sai, ...), Câu hỏi tự luận.
- Số lượng các câu hỏi theo Chương trình sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT cần căn cứ vào nội dung, thời lượng thực hiện các nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình sửa đổi, bổ sung.

2. Những nội dung điều chỉnh trong KT, ĐG lịch sử

a) Với việc ban hành Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học, THCS) và Chương trình môn Lịch sử (cấp THPT) đặt ra yêu cầu cho việc KT, ĐG trong dạy học lịch sử ở cả ba cấp học cũng cần phải điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của nội dung và yêu cầu cần đạt của Chương trình sửa đổi, bổ sung.

b) Những nội dung cần điều chỉnh trong KT, ĐG lịch sử

Về định hướng chung, việc KT, ĐG trong dạy học lịch sử vẫn phải thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 (Quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT) và trong Công văn 7791/BGDĐT-GDTrH, ngày 17/12/2024 (Về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS và THPT) của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về nội dung điều chỉnh trong KT, ĐG lịch sử (áp dụng từ năm học 2025 – 2026): Giáo viên xây dựng câu hỏi trong KT, ĐGTX và KT, ĐG định kì phải căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông sửa đổi năm 2025, tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

- Thứ nhất, nội dung, YCCĐ gắn với các ngữ liệu của SGK đặc biệt là các nội dung, sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính.

Ví dụ, sách giáo khoa Lịch sử 10 (các bộ Cánh diều, Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo) trình bày nội dung Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch có nhiều ngữ liệu gắn với địa danh. GV khai thác ngữ liệu để ra câu hỏi KT, ĐGTX hoặc KT, ĐGDK cần điều chỉnh, không dùng tên địa danh cũ.

Một đoạn ngữ liệu trong SGK Lịch sử 10 (bộ Cánh diều), trang 15



Việt Nam được bầu chọn là “Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hoá” là nhờ có hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hoá và di sản thiên nhiên trên khắp cả nước, như Phố cổ Hà Nội, Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế, Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh),...

Điểm chung của các địa danh này chính là sức hấp dẫn của các yếu tố về lịch sử, văn hoá, cảnh quan. Đây cũng là những nơi còn lưu giữ được dấu ấn lịch sử, văn hoá truyền thống một cách có hệ thống, được bảo tồn và khai thác một cách khoa học.

- Thứ hai, những địa danh gắn với các di tích lịch sử, sự kiện, nhân vật lịch sử có liên quan tới sự thay đổi về địa giới hành chính. Từ ngày 1/7/2025, Việt Nam thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, từ đó tên các địa danh, địa giới hành chính có sự thay đổi rất lớn, nhưng sách giáo khoa chưa kịp chỉnh sửa. Để đáp ứng những thay đổi từ yêu cầu thực tiễn, giáo viên trong quá trình dạy học và KT, ĐG cần chủ động cập nhật.

Ví dụ, SGK Lịch sử và Địa lí 8 (Bộ sách Cánh Diều), mục 2. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913), trang 79 có đoạn “Yên Thế là vùng trung du, đồi núi rập rập ở phía tây tỉnh Bắc Giang”, khi dạy học và kiểm tra, giáo viên cần điều chỉnh là “tỉnh Bắc Ninh”; hoặc III. Xung đột Trịnh – Nguyễn (mục 1. Nguyên nhân bùng nổ và mục 2. Hệ quả), trang 22 và 24 giới thiệu về sông Gianh, Lũy Thầy thuộc tỉnh Quảng Bình, giáo viên cần cập nhật địa giới hành chính ngày nay là tỉnh Quảng Trị,...

- Thứ ba, các tranh ảnh, lược đồ, bản đồ lịch sử liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính của các nội dung, sự kiện, nhân vật lịch sử.

Ví dụ, các SGK Lịch sử và Địa lí 7 trình bày nội dung Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV (chương V) có nhiều tranh ảnh, lược đồ chú thích các địa danh không còn phù hợp với sự thay đổi địa giới hành chính, giáo viên cần chỉnh sửa khi ra câu hỏi kiểm tra: Hình 16.1. *Cổng Đền Trần (Nam Định)* phải sửa là Ninh Bình; Hình 16.3. *Tháp chùa Phổ Minh (Nam Định)* nay là Ninh Bình; Hình 17. Tượng đài Trần Quốc Tuấn (Nam Định) nay là Ninh Bình; Hình 20.2. Tượng nữ quý tộc bằng gốm men nhiều màu thời Lê sơ từ lò gốm Chu Đậu (Hải Dương) nay là Hải Phòng,...

Hoặc các địa danh trong SGK Lịch sử 10 (các bộ Cánh diều, Kết nối tri thức với cuộc sống và Chân trời sáng tạo) trình bày nội dung Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858) (chủ đề 6) có nhiều ngữ liệu liên quan đến địa danh. Từ ngày 1/7/2025, tên của nhiều địa danh đã thay đổi, giáo viên phải cập nhật khi dạy học và ra câu hỏi, ví như: Quân thể tháp Bánh Ít (Bình Định) nay là tỉnh Gia Lai,...

- Thứ tư, các câu hỏi thể hiện nội dung yêu cầu cần đạt của chương trình trong SGK liên quan đến thay đổi về địa giới hành chính.
- Thứ năm, các mức độ (các động từ) cần đạt của chương trình không đúng với quá trình nhận thức của học sinh.
- Thứ sáu, bổ sung những nội dung và yêu cầu cần đạt liên quan đến Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Thứ bảy, những **bất cập**, sai sót trong chương trình về nội dung và yêu cầu cần đạt. Ví dụ như ở chương trình Lịch sử lớp 6, 7, 9...

Tóm lại, căn cứ vào nội dung điều chỉnh về YCCĐ (mức độ đánh giá tư duy) và sự thay đổi về địa giới hành chính, giáo viên sẽ xây dựng câu hỏi phù hợp (nội dung câu hỏi phải được cập nhật đúng với sự điều chỉnh của YCCĐ và thay đổi địa giới hành chính).

3. Một số dạng câu hỏi có thể xây dựng trong kiểm tra, đánh giá

Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng. Trong 4 phương án (A, B, C, D) chỉ có một phương án đúng, các phương án còn lại đều sai.

Ví dụ: *Phố cổ Hội An được UNESCO ghi nhận là Di sản văn hóa thế giới hiện nay thuộc địa phương nào sau đây?*

- A.** Đà Nẵng. **B.** Bắc Ninh. **C.** Ninh Bình. **D.** Huế.

Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng nhất. Trong 4 phương án gây nhiễu (A, B, C, D), giáo viên xây dựng một phương án đúng nhất, các phương án khác chỉ đúng một phần hoặc sai, thiếu,... buộc HS phải lựa chọn ý đầy đủ.

Ví dụ: Sự thành lập và phát triển của Mặt trận Việt Minh những năm 1941-1945 là biểu hiện của truyền thống nào sau đây trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam?

- A.** Đoàn kết. **B.** Nhân đạo. **C.** Hiếu học. **D.** Kiên trung.

Dạng câu hỏi yêu cầu HS đọc hiểu thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh,.... Dạng câu hỏi này để phân hóa HS. Câu hỏi đưa ra đoạn thông tin/tư liệu/hình ảnh liên quan trực tiếp đến sự kiện, hiện tượng lịch sử quan trọng (có trong sách giáo khoa hoặc ngoài sách giáo khoa). Đoạn tư liệu là căn cứ định hướng cho HS tư duy, suy luận để đưa ra quyết định lựa chọn.

Ví dụ: Di sản văn hóa phi vật thể nào sau đây của Việt Nam được UNESCO công nhận không gắn với tỉnh Bắc Ninh?

- A. Dân ca Quan họ.
- B. Chùa Vĩnh Nghiêm.
- C. Hát Xoan.
- D. Ca trù.

Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn đúng phương án nhận xét, tranh biện, lí giải về sự kiện, hiện tượng lịch sử (các quan điểm, chính kiến, hoặc ý kiến nhận xét, đánh giá về lịch sử). Ở dạng câu hỏi này sẽ đưa ra sẵn các quan điểm, chính kiến hoặc ý kiến nhận xét về sự kiện, hiện tượng lịch sử phức tạp, yêu cầu HS phải lựa chọn phương án đúng. Không thông hiểu vấn đề, thí sinh sẽ chọn sai.

Ví dụ 1: Các địa danh: Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế (thành phố Huế), Dinh Độc Lập (Thành phố Hồ Chí Minh),... có điểm chung nào sau đây?

- A. Có dân số đông, thuận lợi cho hoạt động kinh tế và du lịch.
- B. Là trung tâm chính trị có nhiều cảnh quan hiện đại, đặc sắc.
- C. Tập trung nhiều làng nghề thủ công và có địa điểm giải trí.
- D. Sức hấp dẫn của các yếu tố về lịch sử, văn hoá, cảnh quan.

Ví dụ 2: Nội dung nào sau đây nhận xét đúng về Hiến pháp năm 1946 của Nhà nước Việt Nam?

- A. Phản ánh quyền làm chủ của dân tộc trong thời kì mới.
- B. Gắn với thời kì độc lập tự chủ đầu tiên của dân tộc.
- C. Là bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam quân chủ.
- D. Có một quá trình chuẩn bị chu đáo từ khi Đảng ra đời.

Dạng câu hỏi lựa chọn đúng/ sai dựa trên cơ sở khai thác các thông tin, ngữ liệu cho sẵn (bao gồm cả việc đưa ra địa danh, sự kiện, hiện tượng lịch sử, ...).

Ví dụ 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long là một bước tiến mới, thể hiện sự trưởng thành của ý thức dân tộc và của giai cấp phong kiến. Cũng từ đây, Thăng Long trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của nước Đại Việt và Việt Nam sau này.

Nền Văn hoá Đại Việt thời kì này có nguồn gốc sâu xa từ những truyền thống lao động sản xuất, chiến đấu của tổ tiên, nó được kế thừa những di sản văn hoá của thời kì Văn Lang, Âu Lạc và của hàng ngàn năm đấu tranh chống Bắc thuộc. Vì vậy, nó càng có điều kiện để phát huy và phát triển trong hoàn cảnh đất nước hoà bình”.

(Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến 1858*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004, tr.91)

a) Đoạn tư liệu trên cung cấp thông tin về nền văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

b) Hoa Lư (Ninh Bình) từng là trung tâm phát triển rực rỡ của văn minh Văn Lang – Âu Lạc cho đến khi vua Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long (Hà Nội).

c) Những thành tựu của văn minh Đại Việt được xây dựng mới, dựa trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc từ các nền văn minh bên ngoài như Trung Hoa, Ấn Độ,...

d) Việc nhà Lý dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Thăng Long (Hà Nội) là một bước ngoặt trong nhận thức, đánh dấu chấm dứt sự ảnh hưởng của văn hóa phương Bắc.

Ví dụ 2: Cho đoạn tư liệu và trả lời các câu 1, 2, 3:

Ngày 30 – 8 – 1945, “Bảo Đại đọc xong [Chiếu thoái vị] thì trên ki đài cờ vàng của nhà vua từ từ hạ xuống và lá cờ nền đỏ thắm tươi long lanh năm cánh sao vàng được kéo lên giữa những tiếng vỗ tay, những tiếng hoan hô như sấm,... rồi ông Trần Huy Liệu đọc bản tuyên bố của Đoàn đại biểu Chính phủ, nêu rõ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của hàng mấy chục năm tranh đấu anh dũng, kiên cường, bền bỉ của nhân dân cả nước, tuyên bố chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ,...”.

(Phạm Khắc Hoè, *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1987, tr.86)

Câu 1: Sự kiện vua Bảo Đại đọc xong *Chiếu thoái vị* đã “chấm dứt vĩnh viễn” chế độ nào sau đây ở Việt Nam?

- A. Chế độ quân chủ lập hiến – triều Nguyễn.
- B. Sự liên minh đế quốc phát xít Nhật – Pháp.

C. Chế độ quân chủ chuyên chế - triều Nguyễn.

D. Chế độ cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Câu 2: Sự kiện vua Bảo Đại đọc *Chiếu thoái vị* diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã thành công trên cả nước.

B. Lực lượng quân Đồng minh và quân Pháp đã trở lại xâm lược Nam Bộ.

C. Quân phiệt Nhật Bản đã từ bỏ vũ khí và đầu hàng lực lượng Việt Minh.

D. Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 vẫn đang tiếp tục diễn ra.

Câu 3: Việc Trần Huy Liệu đọc bản tuyên bố của Đoàn đại biểu Chính phủ sau *Chiếu thoái vị* của vua Bảo Đại có ý nghĩa nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

A. Mở ra giai đoạn hợp tác quốc tế mới giữa Việt Nam và các nước Đồng minh phương Tây.

B. Thông báo Việt Nam đã sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước phương Tây.

C. Thể hiện sự tôn trọng và đồng thuận của Chính phủ Việt Nam đối với chế độ phong kiến.

D. Khẳng định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài.

Dạng câu hỏi tự luận/viết. Đây là loại câu hỏi được sử dụng trong đề KT, ĐG định kì (theo hướng dẫn trong Công văn 7791 của Bộ GD & ĐT), có nhiều dạng như yêu cầu trình bày sự kiện, nêu và nhận xét sự kiện, đưa ra quan điểm về sự kiện, giải thích sự kiện hoặc hiện tượng lịch sử, làm rõ mối quan hệ của sự kiện,... Căn cứ vào yêu cầu của mỗi dạng câu hỏi, HS có cách trả lời cụ thể theo định hướng.

Ví dụ 1: *Giới thiệu ba thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt trong lĩnh vực giáo dục. Ý nghĩa của việc xây dựng Văn Miếu - Quốc Tử Giám đối với sự phát triển văn minh Đại Việt.*

Hướng dẫn trả lời:

a) Ba thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt trong lĩnh vực giáo dục: (1) Lập Văn Miếu, đắp tượng Chu Công, Khổng Tử để thờ, cho Hoàng thái tử đến học (1070), rồi lập Quốc Tử Giám; (2) Nhà Lý tổ chức khoa thi đầu tiên để chọn người nhân tài (1075); (3) Năm 1484, triều đình đặt lệ xướng danh và khắc tên các tiến sĩ vào bia đá ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám,...

b) Ý nghĩa của việc xây dựng Văn Miếu - Quốc Tử Giám: (1) Là nơi đào tạo nhân tài cho đất nước, góp phần nâng cao dân trí và phát triển giáo dục; (2) Coi trọng tri thức và văn hoá, thể hiện tinh thần hiếu học của dân tộc; (3) Là minh chứng cho sự phát triển của nền giáo dục và văn hoá Đại Việt, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống,...

Ví dụ 2: *Trình bày và nhận xét những quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam nhằm làm thất bại hoàn toàn Kế hoạch Nava (1953 – 1954).*

Hướng dẫn trả lời:

a) Quyết định của Bộ Chính trị mở cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954:

– *Quyết định:* Được đề ra tại Hội nghị họp tháng 9-1953; phương hướng chiến lược: đánh vào những nơi có tầm quan trọng về chiến lược mà quân Pháp tương đối yếu...

– *Nhận xét:*

+ Về phương hướng tiến công chiến lược: nhằm vào nơi địch yếu, nhưng lại có tầm quan trọng về chiến lược, nên Pháp không thể bỏ. Muốn giữ, Pháp buộc phải tăng thêm lực lượng cho những nơi này. Đây là kế sách điều địch để đánh địch; khoét sâu mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán binh lực của quân Pháp...

+ Về hiệu quả thực hiện: Làm cho Kế hoạch Nava không thể thực hiện được như dự kiến (kế hoạch Nava bước đầu thất bại/ bị đảo lộn/ bị phá sản): muốn tập trung nhưng lại phải phân tán binh lực; muốn tiến công nhưng lại phải phòng ngự; muốn giành lại thế chủ động chiến lược, nhưng càng bị động đối phó lúng túng. Nava buộc phải điều chỉnh kế hoạch, xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, nhằm thu hút quân chủ lực Việt Minh tới đó để tiêu diệt.

b) Quyết định của Bộ Chính trị mở chiến dịch Điện Biên Phủ 1954:

– *Quyết định:* Được đề ra tại Hội nghị của Đảng, họp vào tháng 12-1953; mục tiêu nhằm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giải phóng Tây Bắc Việt Nam, tạo điều kiện để Lào giải phóng Bắc Lào.

– *Nhận xét:*

+ Về phương hướng tiến công chiến lược: đã có sự thay đổi, từ chỗ đánh vào những nơi địch yếu (trong Đông - Xuân 1953-1954), chuyển sang đánh vào nơi địch mạnh nhất. Đó là quyết định đúng đắn, có cơ sở khoa học: Điện Biên Phủ là nơi quân Pháp tập trung binh lực mạnh, nhưng có những chỗ yếu cơ bản: 1- Là sản phẩm của

thế bị động về chiến lược; 2- Chi có đường tiếp tế duy nhất là đường hàng không, nên dễ bị bao vây, cô lập. Việt Nam có khó khăn lớn về vận chuyển, tiếp tế, nhưng có khả năng khắc phục được.

- + Về hiệu quả thực hiện: Làm cho Kế hoạch Nava của thực dân Pháp có Mỹ giúp đỡ bị thất bại hoàn toàn. Quân dân Việt Nam đã chuẩn bị chu đáo, tập trung cao nhất tinh thần, lực lượng...; điều chỉnh phương châm tác chiến..., đập tan nỗ lực cao nhất và cuối cùng của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam...

4. Bài kiểm tra/đề kiểm tra/đề thi

Đề kiểm tra là một công cụ dùng để đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong một bài/chương/chủ đề/chuyên đề, một học kì, một lớp hay cuối cấp học. Giáo viên biên soạn đề KT, ĐGTX và KT, ĐGĐK cần căn cứ vào ba yêu cầu sau đây để xây dựng đề kiểm tra cho phù hợp: (1) Mục tiêu, yêu cầu của việc KT, ĐG; (2) YCCĐ của chương trình (không vượt quá khả năng, phạm vi theo quy định); (3) Thực tế học tập của HS (căn cứ vào địa bàn, vùng, đối tượng người học). Đề KT, ĐG lịch sử có các hình thức câu hỏi sau:

Tự luận/viết;

TNKQ;

Kết hợp câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng TNKQ.

Trước khi xây dựng đề kiểm tra cần xây dựng ma trận đề và bản đặc tả đề kiểm tra.

4.1. Ma trận đề kiểm tra

Ma trận đề kiểm tra là bản thiết kế đề kiểm tra chứa đựng những thông tin về cấu trúc cơ bản của đề kiểm tra như: thời lượng, số câu hỏi, dạng thức câu hỏi; lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực của từng câu hỏi, thuộc tính các câu hỏi ở từng vị trí. Ma trận đề kiểm tra cho phép tạo ra nhiều đề kiểm tra có chất lượng tương đương.

Có nhiều phiên bản Ma trận đề kiểm tra. Mức độ chi tiết của các ma trận này phụ thuộc vào mục đích và đối tượng sử dụng.

Cấu trúc một bảng ma trận đề kiểm tra gồm các thông tin như sau:

Tên Bảng ma trận – Ký hiệu (nếu cần)

- Cấu trúc từng phần (Prompt Attributes):

+ Cấu trúc và tỉ trọng từng phần

+ Các câu hỏi trong đề kiểm tra (items)

Ma trận đề kiểm tra định kì phân môn Lịch sử cấp THCS và môn Lịch sử cấp THPT:

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Năng lực và mức độ đánh giá									Tổng		
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng sai			Tự luận			Biết	Hiểu	VD
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD			
1	Chủ đề 1	Nội dung 1												
		Nội dung 1												
		...												
2	Chủ đề 2	Nội dung 1												
		Nội dung 1												
		...												
...	...													
Tổng số câu			8	4	0	4 (a) 1,0	4 (b) 1,0	4 (c, d) 2,0	1	1	1			
Tổng số điểm														
Tỉ lệ %			70						30			40	30	30

Ma trận đề kiểm tra định kì (theo hướng dẫn của Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 của Bộ GDĐT)

Theo hướng dẫn của Công văn 7791, phân môn Lịch sử ở cấp THCS và môn Lịch sử ở cấp THPT **không** có dạng câu hỏi trả lời ngắn, giáo viên chuyển toàn bộ sang dạng “Đúng – Sai”. Như vậy, đề KT, ĐG lịch sử sẽ có 3 dạng câu hỏi, theo tỉ lệ 30 – 40 – 30 (trắc nghiệm nhiều lựa chọn A, B, C, D là 40 %, trắc nghiệm dạng “Đúng – Sai” là 30 % và Tự luận/Viết là 30%); tỉ lệ phân hóa HS là 40 – 30 – 30 (tương ứng 4,0 điểm dành cho đánh giá năng lực Tìm hiểu lịch sử - cấp độ tư duy Biết; 3,0 điểm dành cho đánh giá năng lực Nhận thức và tư duy lịch sử - cấp độ tư duy Hiểu; 3,0 điểm dành cho đánh giá năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng - cấp độ tư duy Vận dụng).

Về bản đặc tả đề kiểm tra định kì:

Bản đặc tả đề kiểm tra (trong tiếng Anh gọi là test specification hay test blueprint) là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá, giúp xây dựng đề KT, ĐG đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động KT, ĐG, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. HS có thể sử dụng để chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản

phẩm học tập của mình. Còn người dạy có thể áp dụng để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

Bản đặc tả đề kiểm tra định kì (theo hướng dẫn của Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17 /12/2024 của Bộ GDĐT)

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chủ đề 1		- Biết... ...												
			- Hiểu... ...												
			- VD... ...												
2	Chủ đề 2		- Biết... ...												
			- Hiểu... ...												
			- VD... ...												
...	Chủ đề...														
Tổng số câu															
Tổng số điểm						3,0			2,0			2,0			3,0
Tỉ lệ %						30			20			20			30

Theo hướng dẫn của Công văn 7791, phân môn Lịch sử ở cấp THCS và môn Lịch sử ở cấp THPT không có dạng câu hỏi trả lời ngắn, giáo viên mô tả chuyển toàn bộ sang dạng “Đúng – Sai” (tỉ lệ 30 – 40 – 30 (trắc nghiệm nhiều lựa chọn A, B, C, D là 40 %, trắc nghiệm dạng “Đúng – Sai” là 30 % và Tự luận/Viết là 30%).

Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra

Một bản đặc tả đề kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của bài kiểm tra, những mục tiêu dạy học mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi theo nội dung dạy học và mục tiêu dạy học, cụ thể như sau:

(i) Mục đích của đề kiểm tra: Phần này cần trình bày rõ đề kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Các mục đích sử dụng của đề kiểm tra có thể bao gồm (1 hoặc nhiều hơn 1 mục đích):

Cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của HS tại thời điểm đánh giá.

Dự đoán sự phát triển, sự thành công của HS trong tương lai.

Nhận biết sự khác biệt giữa các HS.

Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học.

(ii) Hệ mục tiêu dạy học/ tiêu chí đánh giá: Phần này trình bày chi tiết mục tiêu dạy học: những kiến thức và năng lực mà HS cần chiếm lĩnh và sẽ được yêu cầu thể hiện thông qua bài kiểm tra. Những tiêu chí để xác định các cấp độ đạt được của HS đối với từng mục tiêu dạy học. Có thể sử dụng các thang năng lực để xác định mục tiêu dạy học/tiêu chí đánh giá, chẳng hạn thang năng lực nhận thức của Bloom...

(iii) Bảng đặc tả đề kiểm tra: Đây là một bảng có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chủ đề kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà HS sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Với mỗi chủ đề kiến thức, tại một cấp độ năng lực, căn cứ mục tiêu dạy học, người dạy đưa ra một tỷ trọng cho phù hợp.

(iv) Cấu trúc đề kiểm tra: Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi.

4.2. Ví dụ về xây dựng ma trận và đề kiểm tra định kì lớp 11

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

(Cuối học kì I, môn Lịch sử 11)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một phần chủ đề 1, 2, 3 và một phần chủ đề 4.

2. Năng lực: Đánh giá năng lực tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra).

3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

II. Hình thức và số câu kiểm tra

1. Trắc nghiệm khách quan (30%): 12 câu (0,25 điểm/câu).

2. Trắc nghiệm đúng sai (40%): 4 câu (1 điểm/câu), mỗi câu gồm 4 ý (0,25 điểm/ý).

3. Tự luận (30%): 1 câu (1 điểm/1 ý).? Không rõ ý

III. Ma trận

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai									
Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD				
1	CMTS và sự phát triển của CNTB	Sự phát triển của CNTB	3									3			75%
2	Sự hình thành và phát triển của CNXH	Sự hình thành Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết	1									1			
		Sự phát triển của CNXH sau Chiến tranh thế giới thứ hai	2			1a	1b	1c,d				3	1	2	
3	Quá trình giành ĐLDT của các nước ĐNA	Quá trình xâm lược và cai trị của CNTD dân ở ĐNA Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở ĐNA	1			1a	1b	1c,d				2	1	2	57,5 %

4	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh GPDT trong lịch sử Việt Nam (trước CMT8 1945)	Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	3			1a	1b	1c,d				4	1	2	17,5 %
Tổng số câu			12	0	0	4	4	8		2	1				
Tổng số điểm			3.0	0	0	4.0			3.0			4.0	3.0	3.0	10
Tỉ lệ %				30%			40%			30%		40%	30%	30%	100%

**BẢNG MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN LỊCH SỬ, LỚP 11**

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt Thêm từ được sau động từ hỏi	Số câu hỏi theo mức độ nhận biết		
				B	H	VD
1	CMTS và sự phát triển của CNTB	Sự phát triển của CNTB	<p>- Mức độ biết:</p> <p>+ Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu và Bắc Mỹ, quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.</p> <p>+ Nêu đặc điểm của CNTB độc quyền; đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại.</p> <p>- Mức độ hiểu:</p> <p>+ Giải thích được khái niệm chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản hiện đại.</p> <p>+ Phân tích vai trò của thuộc địa đối với đế quốc.</p> <p>+ Phân tích tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.</p> <p>+ Đánh giá tương lai, triển vọng của chủ nghĩa tư bản.</p> <p>- Mức độ vận dụng:</p> <p>+ Liên hệ những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.</p> <p>+ Rút ra những bài học cho Việt Nam từ những tiềm năng của CNTB hiện đại...</p>			

TT	Chủ đề	Nội dung	Yêu cầu cần đạt Thêm từ được sau động từ hỏi			Số câu hỏi theo mức độ nhận biết		
			B	H	VD	B	H	VD
2	Sự hình thành và phát triển của CNXH	Sự hình thành Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết	<p>- Mức độ biết:</p> <p>+ Trình bày sự ra đời của chính quyền Xô viết.</p> <p>+ Nêu hoàn cảnh và sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.</p> <p>- Mức độ hiểu:</p> <p>+ Giải thích nguyên nhân thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.</p> <p>+ Phân tích ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.</p> <p>+ Đánh giá sự ra đời của Liên bang CHXHCN Xô viết có phải là tất yếu lịch sử không.</p> <p>- Mức độ vận dụng: Liên hệ để hiểu vì sao đến nay đa số người Nga vẫn tôn trọng và muốn giữ gìn những giá trị của Liên bang CHXHCN Xô viết.</p>					
		Sự phát triển của CNXH sau Chiến tranh thế giới thứ hai	<p>- Mức độ biết:</p> <p>+ Trình bày sự mở rộng của CNXH từ Liên Xô sang Đông Âu, châu Á, khu vực Mỹ Latinh.</p> <p>+ Nêu những nét chính về chủ nghĩa xã hội từ 1991 đến nay, những thành tựu của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc.</p> <p>- Mức độ hiểu:</p> <p>+ Giải thích nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô.</p> <p>+ Phân tích ý nghĩa những thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc.</p> <p>+ Đánh giá đúng về sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu, từ đó hiểu được vì sao Việt Nam vẫn kiên định theo con đường XHCN.</p> <p>- Mức độ vận dụng: Rút ra những bài học cho Việt Nam từ sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu cũng như sự thành công của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.</p>			3	1	2

3	<p>Quá trình giành độc lập dân tộc của các nước ĐNA</p>	<p>Quá trình xâm lược và cai trị của CNTD dân ở ĐNA</p> <p>- Mức độ biết: + Trình bày được quá trình xâm lược và chính sách cai trị của các nước thực dân phương Tây ở Đông Nam Á. + Nêu bối cảnh và nội dung công cuộc cải cách ở Xiêm.</p> <p>- Mức độ hiểu: + Phân tích ý nghĩa công cuộc cải cách của Xiêm. + Giải thích nguyên nhân vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.</p> <p>- Mức độ vận dụng: + So sánh, liên hệ chính sách của Xiêm với chính sách của triều Nguyễn ở Việt Nam. + Rút ra bài học cho Việt Nam từ sự thành công của Xiêm.</p>			
	<p>Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở ĐNA</p>	<p>- Mức độ biết: + Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á. + Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.</p> <p>- Mức độ hiểu: + Phân tích được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa.</p> <p>- Mức độ vận dụng: + Liên hệ đến thực tế ở Việt Nam. + Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển ở Đông Nam Á hiện nay. Đề nghị xây dựng câu hỏi ví dụ?</p>	3	2 (ILT)	3 (ILT)

4	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh GPDT trong lịch sử Việt Nam (trước CMT8 năm 1945)	Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ biết: + Nêu được vị trí chiến lược của Việt Nam - Mức độ hiểu: + Phân tích vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. + Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến chống xâm lược trong lịch sử. - Mức độ vận dụng: + Vận dụng kiến thức, rút ra bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. + Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam. Đề nghị xây dựng câu hỏi ví dụ? 	4	1	2
---	--	--	--	---	---	---

ĐỀ KIỂM TRA

I. (3,0 điểm). Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (*mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án*).

Câu 1. Để đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến, giai cấp tư sản dựa vào hệ tư tưởng nào sau đây?

- A. Nho giáo. B. Dân chủ chủ nô.
 C. Mác – Lê-nin. D. Dân chủ tư sản.

Câu 2. Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn phát triển nào sau đây của chủ nghĩa tư bản?

- A. Khi mới hoàn thành cách mạng tư sản.
 B. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn độc quyền.
 C. Trong giai đoạn phát triển tự do cạnh tranh.
 D. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3. Thắng lợi của cuộc cách mạng nào sau đây đưa tới sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?

- A. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam (1945).
 B. Cách mạng tháng Mười Nga (1917).
 C. Cách mạng Cu-ba (1959).
 D. Cách mạng Anh (thế kỉ XVII).

Câu 4. Từ năm 2010 đến nay, nền kinh tế Trung Quốc đạt thành tựu nổi bật nào sau đây?

- A. Vượt qua Mỹ, trở thành nền kinh tế số một thế giới.
- B. Vượt qua Nhật Bản và duy trì vị trí thứ hai thế giới.
- C. Là quốc gia duy nhất ở châu Á sở hữu vũ khí hạt nhân.
- D. Là quốc gia duy nhất trên thế giới có dự trữ ngoại tệ.

Câu 5. Để chuẩn bị cho việc xâm lược ở các nước Đông Nam Á diễn ra thuận lợi, thực dân phương Tây đã dựa vào lực lượng nào sau đây để gây dựng cơ sở?

- A. Sĩ phu phong kiến.
- B. Quý tộc mới và tư sản.
- C. Giai cấp công nhân.
- D. Giáo sĩ và thương nhân.

Câu 6. Ba nước đầu tiên ở Đông Nam Á (In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào) đã tận dụng được bối cảnh thuận lợi nào sau đây để giành và tuyên bố độc lập?

- A. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng.
- B. Quân Đồng minh vào hỗ trợ.
- C. Phát xít Đức bị tiêu diệt.
- D. Chính phủ Pháp đầu hàng Nhật Bản.

Câu 7. Nội dung nào sau đây không phải truyền thống của Việt Nam trong chống ngoại xâm?

- A. Nhân nghĩa.
- B. Yêu nước.
- C. Cam chịu.
- D. Đoàn kết.

Câu 8. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) có mục tiêu lật đổ ách thống trị của

- A. nhà Tống.
- B. nhà Đường.
- C. nhà Minh.
- D. nhà Thanh.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là thách thức mang tính quy luật của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

- A. Áp dụng được các thành tựu khoa học.
- B. Luôn tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng.
- C. Có trình độ sản xuất và phát triển cao.
- D. Có khả năng điều chỉnh và thích nghi.

Câu 10. Trong những năm 1945 - 1950, chủ nghĩa xã hội có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

- A. Bước đầu được xác lập ở châu Âu.
- B. Mở rộng không gian sang châu Phi
- C. Mở rộng, trở thành hệ thống thế giới.
- D. Khủng hoảng trầm trọng và sụp đổ.

Câu 11. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Đông Nam Á có biến đổi nào sau đây?

- A. Cắt đứt mối quan hệ với các nước phương Tây.
- B. Trở thành nước độc lập, cùng chế độ chính trị.
- C. Đã xóa sạch tàn dư của thực dân phương Tây.
- D. Lần lượt trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.

Câu 12. Nghệ thuật “Tiên phát chế nhân” của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), đó là chủ động:

- A. vây thành để tiêu diệt quân tiếp viện.
- B. xây dựng phòng tuyến ở sông Cầu.
- C. cách “điều địch để đánh địch”.
- D. tấn công trước để chế ngự kẻ thù.

II. (4,0 điểm). Trắc nghiệm đúng/sai (trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu chỉ chọn đúng hoặc sai).

Câu 13. Cho bảng thông tin sau đây:

Thời gian	Nội dung sự kiện
1988 – 1991	Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.
1978 – nay	Trung Quốc quyết định thực hiện cải cách, mở cửa, xây dựng hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội: xem lại; đến năm 2010 trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới.
1986 – nay	Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới; từ một nước đói nghèo đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình thấp (2009); dự kiến đến năm 2030 sẽ trở thành nước có thu nhập trung bình cao,...
Từ những năm 80 (thế kỉ XX)	Lào tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có mức tăng trưởng cao trong nhiều năm.

a) Bảng thông tin phản ánh sự mở rộng của hệ thống xã hội chủ nghĩa sau khi Liên Xô sụp đổ.

b) Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước châu Á bị ngừng trệ.

c) Những thành tựu của Trung Quốc, Việt Nam và Lào trong công cuộc cải cách, mở cửa và Đổi mới đã chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động: Nâng cấp độ

d) Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu để lại cho các nước xã hội chủ nghĩa còn lại nhiều bài học, trong đó phải kiên trì và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản: Nâng cấp độ

Câu 14. Cho đoạn tư liệu sau đây: Viết về chính sách cai trị

[...] “các nước thực dân đều tiến hành xây dựng bộ máy cai trị, mặc dù mức độ và hình thức bộ máy thuộc địa của mỗi thực dân hoặc mỗi nước thuộc địa của một thực dân có những nét khác nhau. Về đại thể có hai hình thức cai trị: trực tiếp và gián tiếp. Nói chung các thuộc địa của Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Pháp và một phần thuộc địa của Anh đều chịu hình thức cai trị trực tiếp. Còn một bộ phận thuộc địa của Anh và sau này là thuộc địa của Mỹ (ở Phi-líp-pin) được các nước thực dân này áp dụng hình thức cai trị gián tiếp”.

(Lương Ninh (chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.229)

a) Đoạn trích phản ánh chính sách cai trị của chủ nghĩa thực dân ở các nước Đông Nam Á.

b) Có hai hình thức cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á: trực tiếp và thông qua chính quyền tay sai.

c) Ở Đông Dương (Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia), thực dân Pháp áp dụng chính sách trực tiếp cai trị, cốt để vơ vét của cải đem về cho chính quốc.

d) Đoạn trích là minh chứng rõ rệt cho nhận định: nguồn vốn, nhân công và thị trường, thuộc địa là yếu tố sống còn của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt trong thời đại đế quốc.

Câu 15. Cho đoạn thông tin, tư liệu sau đây:

Trong tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo chính sách thống trị của thực dân Pháp: “...một bên là những người bản xứ,... họ phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và những người nước ngoài, họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trắng tráo trong cảnh dốt nát và nghèo khổ của nhân dân”.

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tr.12)

a). Đoạn trích phản ánh sự bất công sâu sắc trong xã hội thuộc địa, giữa chính phủ thuộc địa (tư bản Pháp) với người dân lao động (Việt Nam).

a) Nguyễn Ái Quốc mô tả những người dân lao động ở chính quốc phải làm việc nặng nhọc để kiếm sống, cuộc sống chật vật.

c) Chính sách cai trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân nói chung, của thực dân Pháp ở Đông Dương nói riêng là nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ phong trào đấu tranh giành độc lập.

d) Hậu quả từ các chính sách cai trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở nước Đông Nam Á sẽ được xóa bỏ vĩnh viễn khi các nước Đông Nam Á giành lại được độc lập.

Câu 16. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Một bản hiệp ước chuẩn bị sẵn gồm 27 điều khoản được trao cho triều đình Huế và được trả lời “thuận” hay “không thuận” trong vòng 24 giờ đồng hồ. Không còn cách nào khác, ngày 25-8-1883, đại diện triều đình Huế đành kí nhận hiệp ước (thường gọi là Hiệp ước Hác-măng”.

(Nguyễn Phan Quang, Việt Nam thế kỉ XX (1802 – 1884), NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.331)

a) Theo đoạn tư liệu, đây là cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử Việt Nam.

b) Đối tượng của cuộc kháng chiến là quân phiệt Nhật Bản, diễn ra vào cuối thế kỉ XIX.

c) Thực dân Pháp đã kết thúc quá trình xâm lược Việt Nam về quân sự sau hơn 1/4 thế kỉ.

d) Hiệp ước Hác-măng là hiệp ước đầu hàng đầu tiên và cũng là cuối cùng của triều đình Huế đầu hàng thực dân Pháp.

III (3,0 điểm). Tự luận

Câu 17. Vì sao nói: Vào đầu thế kỉ XX, trong khi các nước ở khu vực Đông Nam Á trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây thì Xiêm là quốc gia duy nhất vẫn giữ được độc lập?

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Câu	1 – D	2 – B	3 – B	4 – B	5 – D	6 – A
Đáp án	7 – C	8 – C	9 – B	10 – C	11 – D	12 – D

Câu 13: a) – Sai; b) – Sai; c) Đúng; d) Đúng
Câu 14: a) – Đúng; b) – Sai; c) Đúng; d) Đúng
Câu 15: a) – Đúng; b) – Sai; c) Đúng; d) Sai

Câu 16: a) – Đúng; b) – Sai; c) Đúng; d) Sai

Câu 17: a) Từ giữa thế kỉ XIX, các nước ở khu vực Đông Nam Á lâm vào khủng hoảng trầm trọng và đứng trước nguy cơ bị thực dân phương Tây xâm lược. Đến đầu thế kỉ XX, trong khi các nước Đông Nam Á lần lượt trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây (dẫn chứng) thì Xiêm là quốc gia duy nhất giữ được độc lập,... (1,0 điểm).

b) Lí giải:

- + Các vua Xiêm (Ra-ma IV và Ra-ma V) đã nhận thức được nguy cơ bị xâm lược bởi thực dân phương Tây, nên đã chủ động cải cách đất nước về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa-xã hội, đặc biệt là thi hành chính sách ngoại giao khôn khéo, mở cửa rộng rãi **(0,5 điểm)**.
- + Vua Ra-ma IV và Ra-ma V không “đóng cửa”, “đoạn tuyệt” với phương Tây, mà mở cửa buôn bán với bên ngoài, dựa vào sự kiềm chế lẫn nhau các nước tư bản (Anh, Pháp) để bảo vệ độc lập,... **(0,5 điểm)**.
- + Vua Ra-ma V có chính sách ngoại giao mềm dẻo để có lợi cho mình: lợi dụng vị trí vùng “đệm” giữa Anh và Pháp để kiềm chế họ, đồng thời cắt nhượng bộ một số vùng đất đang thuộc ảnh hưởng của Xiêm cho Pháp (Lào, Campuchia) và Anh (Đông Bắc Ma-lay-xi-a) **(0,5 điểm)**.
- Cuộc cải cách của Xiêm có ý nghĩa như cuộc cách mạng tư sản, đưa đến sự ra đời của giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc “tư sản hoá”. Nước Xiêm vừa phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, vừa giữ được độc lập,... **(0,5 điểm)**.